



VICOHOME

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - ĐẢM BẢO



HỒ SƠ NĂNG LỰC

PROFILE



LỜI NGỎ

Kính gửi Quý khách hàng, Đối tác,

Lời đầu tiên công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư VICOHOME xin gửi lời chúc sức khỏe và thành công đến Quý khách hàng!

Công ty chúng tôi chuyên thiết kế nội & ngoại thất, thi công nội thất, xây nhà trọn gói. Bên cạnh đó, chúng tôi cung cấp các sản phẩm/ dịch vụ liên quan đến cây xanh và mỏ. Website chính thức của Vicohome: <https://xaydungnhauytin.com/>

Là đơn vị uy tín và chuyên nghiệp được khách hàng và đối tác đánh giá cao, Vicohome là nơi hội tụ nhiều gương mặt sáng giá đến từ Việt Nam và các đối tác Quốc tế - những con người sáng tạo, năng động, tài năng, bản lĩnh với tư tưởng và hành động kỷ luật, lòng yêu nước, tự tôn dân tộc để kiến tạo nên những công trình làm đẹp cho đời

Mỗi thành viên của Vicohome luôn chủ động, nỗ lực học hỏi, phấn đấu không ngừng để hoàn thiện bản thân, luôn lấy văn hóa công ty và 5 giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam để điều chỉnh mọi hành vi của mình. Chúng tôi không chỉ xây dựng một công trình hoàn hảo mà còn trao "niềm tin, sự tận tâm VICOHOME" giúp khách hàng tận hưởng không gian sống và làm việc. Chúng tôi hiểu rằng để phát triển bền vững và vươn xa thì phải làm việc bằng cái "Tâm" và dĩ nhiên khi đủ "Tâm" sẽ nâng "Tầm" doanh nghiệp

Chúng tôi không ngừng sáng tạo để hướng tới mục tiêu "để lại những công trình vượt thời gian". Và mỗi ngày trôi qua, khắp nơi trên đất nước Việt Nam, bất kể ngày đêm, nắng mưa, các công trình mang thương hiệu Vicohome vẫn vươn cao mãi. Tất cả vẫn ngày đêm nỗ lực vì một Vicohome phát triển bền vững, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho thế hệ tương lai.

Trân trọng,

✦ Thư ngỏ.....	2
✦ Về chúng tôi.....	4
✦ Tầm nhìn - sứ mệnh.....	6
✦ Hồ sơ pháp lý.....	7
✦ Lĩnh vực kinh doanh.....	9
✦ Sơ đồ tổ chức.....	10
✦ Năng lực nhân sự.....	11
✦ Năng lực thiết bị.....	95
✦ Năng lực tài chính.....	102
✦ Hợp đồng tiêu biểu.....	126
✦ Dự án tiêu biểu.....	217
✦ Đối tác	259
✦ Lời cảm ơn.....	260



VỀ CHÚNG TÔI

Với thế mạnh được nhân lên từ các thành viên nòng cốt năng động, ban lãnh đạo sáng tạo, linh hoạt và chuyên nghiệp, cán bộ kỹ thuật có trình độ khoa học kỹ thuật cao, đội ngũ nhân công lành nghề, cần cù, chịu khó, luôn đặt chữ “TÂM” lên hàng đầu, Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome phát triển hướng tới mục tiêu là một tập đoàn kinh tế mạnh, đa ngành nghề, đa sở hữu và phát triển bền vững.

Qua nhiều năm hình thành và phát triển, Vicohome đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn với hàng trăm công trình lớn nhỏ trải dài khắp cả nước. Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome đang từng bước khẳng định là doanh nghiệp đi đầu và thành công nhất trong việc đầu tư áp dụng công nghệ và kiến thiết xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị mới, các khu chung cư và dân dụng.

ĐIỀU GÌ TẠO NÊN THÀNH CÔNG?

Thành công trong hoạt động xây dựng không phải là chuyện dễ dàng, một sớm một chiều. Để tạo dựng thành công, đòi hỏi phải có sự tập trung và nỗ lực của tất cả thành viên trong công ty. Một tập thể mạnh được xây dựng bởi những cá nhân xuất sắc và được dẫn lối bởi những nhà lãnh đạo tài ba.

TÀI NĂNG

Vicohome luôn tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, phát huy tối đa quyền được làm việc, cống hiến, phát triển, tôn vinh của người lao động

KINH NGHIỆM

Bên cạnh trình độ chuyên môn tốt, đội ngũ nhân sự của VICOHOME cũng sở hữu kinh nghiệm phong phú được đúc kết qua các công trình thực tế.

NHIỆT HUYẾT

Mặc dù thành lập từ nhiều năm trước nhưng đội ngũ nhân sự trẻ trung, năng động của công ty vẫn luôn mang trong mình ngọn lửa nhiệt huyết, tiếp sức cho sự phát triển công ty.

UY TÍN

VICOHOME hiểu rằng niềm tin và uy tín đóng vai trò quyết định trong cuộc chiến khẳng định sự tồn tại và sức mạnh doanh nghiệp.

“ TỐI ƯU
ĐẢM BẢO
CHẤT
LƯỢNG
TIẾN ĐỘ
UY TÍN
”



TẦM NHÌN – SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Trở thành một công ty xây dựng hàng đầu, được tin nhiệm và được biết đến với sự sáng tạo, chất lượng và tiên phong trong việc xây dựng những công trình mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng.

SỨ MỆNH

Với phương châm “để lại những công trình vượt thời gian” Vicohome mong muốn tạo ra những sản phẩm ấn tượng, bền, đẹp, trường tồn cùng thời gian mang đậm phong cách riêng của mỗi Kiến trúc sư phù hợp với cá tính của chủ đầu tư.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Khách hàng là trung tâm trong mọi hành động, triết lý kinh doanh của Vicohome. Chúng tôi tâm niệm rằng sáng tạo và chất lượng sản phẩm/dịch vụ là cầu nối bền vững nhất dẫn đến thành công. Làm việc bằng chữ “TÂM” để nâng “TẦM” doanh nghiệp.

HỒ SƠ PHÁP LÝ

- CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME
- TT5.2B-18, khu đô thị mới Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số ĐKKD: 0108633470
- Điện thoại: 0961199595 | Email: vicohome.arc@gmail.com

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0108633470

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 03 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 20 tháng 09 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VICOHOME INVESTMENT AND CONSTRUCTION ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VICOHOME.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

TT5.2B - 18 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0971284017

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ: 99.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ đồng
Tăng vốn do chủ sở hữu góp thêm vốn

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.900.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036092002547

Ngày cấp: 08/09/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Cẩm, Xã Yên Dương, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cẩm, Xã Yên Dương, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Lê Hồng Hạnh

CƠ SỞ PHÁP LÝ

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00066774

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 542/QĐ-SXD ngày 29/8/2022 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0108633470

Đăng ký lần đầu: 05/03/2019

Nơi cấp: Sở kế hoạch & đầu tư TP. Hà Nội

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): Nguyễn Văn Hiến

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 20 ngách 79 ngõ 230 Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 0971284017

Số fax:

Email: vicohome.arc@gmail.com

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Thi công XD/Dân dụng/Hạng III

Thi công XD/Nhà công nghiệp/Hạng III

Thi công XD/Giao thông (Đường bộ)/Hạng III

Thi công XD/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III

Thiết kế, thẩm tra TK/Dân dụng/Hạng III

Thiết kế, thẩm tra TK/Nhà công nghiệp/Hạng III

Có giá trị đến ngày: 29/8/2032

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Cao Thắng



LĨNH VỰC KINH DOANH

1 Tư vấn thiết kế nội – ngoại thất

2 Thi công xây nhà trọn gói

3 Thi công nội thất trọn gói

4 Cây xanh

5 Mở

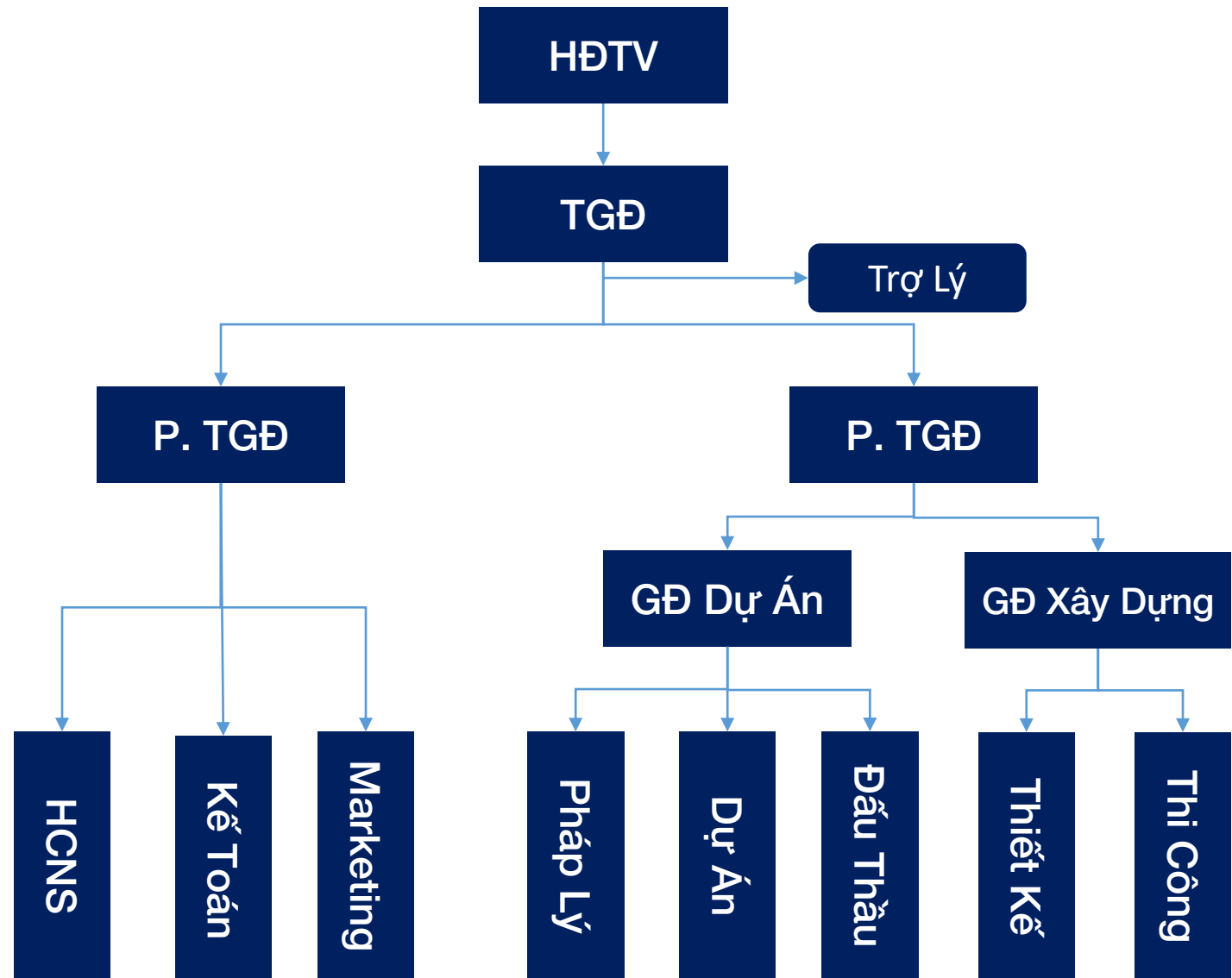


VICOHOME

UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - ĐẢM BẢO

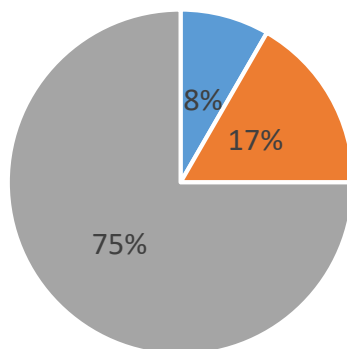


SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NĂNG LỰC NHÂN SỰ

Vicohome luôn coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá nhất. Công ty đã và đang xây dựng một đội ngũ nhân sự tinh gọn, có đủ cả Đức và Tài. Mục tiêu tuyển dụng của chúng tôi là thu hút và chào đón tất cả những ứng viên mong muốn làm việc trong môi trường năng động, tốc độ, sáng tạo và hiệu quả - nơi mỗi cá nhân có thể phát huy tối đa khả năng và kiến thức chuyên môn.



- Đại học và trên đại học
- Cao đẳng, Trung cấp
- Công nhân lành nghề

61

KỸ SƯ XÂY DỰNG

09

KỸ SƯ ATLĐ-VSMT

50

LAO ĐỘNG BẬC QUẢN LÝ

520

LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG

BAN LÃNH ĐẠO

Đội ngũ lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm sát sao đến nhân viên, khách hàng; quản lý rủi ro tốt nhất.

KIẾN TRÚC SƯ & KỸ SƯ

Nỗ lực, tận tâm, nhiệt huyết của đội ngũ nhân sự nhằm giới thiệu, tư vấn cho khách hàng biết, hiểu và sử dụng dịch vụ tốt nhất.

GIÁM SÁT & HỖ TRỢ

Đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, luôn linh hoạt, lắng nghe, thấu hiểu khách hàng để tạo ra sản phẩm tốt nhất.

CÔNG NHÂN

Với đội ngũ nhân sự lành nghề, kinh nghiệm trong thiết kế thi công, chúng tôi hân hạnh mang đến cho Quý khách hàng những công trình đẹp, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Nguồn nhân lực là tài sản vô giá

Vicohome luôn tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, phát huy tối đa quyền được làm việc, cống hiến, phát triển, tôn vinh của người lao động và sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cán bộ công nhân viên.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

Hanoi University of Industry

has conferred

THE DEGREE OF ASSOCIATE

Accounting

Upon: Ms NGUYEN THI THU HA

Date of birth: 05 August 1992

Degree classification: Good

Mode of study: Full-time

Hanoi, 26 June 2014

Reg. No: 2982

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Kế toán

Cho: NGUYỄN THỊ THU HÀ Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 05/08/1992

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI

Số hiệu: B 235713

Số vào sổ cấp bằng: 2982

TS. Trần Đức Quý



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE DEGREE OF ENGINEER

ELECTRONIC AND TELECOMMUNICATION ENGINEERING

POSTS AND TELECOMMUNICATIONS
INSTITUTE OF TECHNOLOGY
has conferred

Upon: Mr *Luong Xuan Nam*

Date of birth: **22 March 1997**

Degree classification: **Ordinary**

Given under the seal of
Posts and Telecommunications Institute of Technology

Reg. No: 1522/2022/DH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
cấp

Cho: Ông *Luong Xuan Nam*

Ngày sinh: **22 - 03 - 1997**

Hạng tốt nghiệp: **Trung bình**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2022



Số hiệu: **D 03765**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 1522/2022/DH

PGS.TS Đặng Hoài Bắc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

has conferred
THE DEGREE OF BACHELOR
BUSINESS ADMINISTRATION

Upon: **Mr BUI NHAT TAN**
Date of birth: 20 December 1988
Year of graduation: 2014
Degree classification: **Good**
Mode of study: **Full-time**

Hà Nội, 21 August 2014

Reg. No: QTDN.B2.23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

cấp
BẰNG CỬ NHÂN
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Cho: **ông BUI NHẬT TÂN**
Ngày sinh: 20-12-1988
Năm tốt nghiệp: 2014
Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**
Hình thức đào tạo: **Văn bằng 2, Chính quy**

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG


Số hiệu: 802017 PGS.TS. Phạm Mạnh Hùng

Số vào sổ cấp bằng: QTDN.B2.23

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR
COLLEGE OF FOREIGN LANGUAGES - HUE UNIVERSITY

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC HUẾ

confers
THE DEGREE OF BACHELOR

cấp
BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Danh hiệu: Bằng cử nhân

Upon: Mr (Ms) **Bui Nhat Tan**
Born on: 20/12/1988
Major in: English
Ranking: Strong-pass
Mode of Study: Full-time

Cho: **Bùi Nhật Tân**
Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 20/12/1988
Ngành đào tạo: Tiếng Anh
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá
Hình thức đào tạo: Chính quy

Huế, ngày 23 tháng 07 năm 2010



Serial number:
Reference number: 10/403



Số hiệu: 000413 PGS.TS. Trần Văn Phước
Số vào sổ cấp bằng: 10/403

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER
Civil Engineering

Upon: *Mr.* PHAM VAN NAM
Date of birth: 20 March 1996
Year of graduation: 2019
Degree classification: Ordinary
Mode of study: Full - time

Hanoi, 16 August 2019

Reg. No: 2019/CQ/1507

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp
BẰNG KỸ SU
Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: Ông PHẠM VĂN NAM
Ngày sinh: 20 / 3 / 1996
Năm tốt nghiệp: 2019
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2019



Số hiệu: **592764**
Số vào sổ cấp bằng: 2019/CQ/1507

PGS.TS Phạm Duy Hòa

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT TECHNOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

TRANSPORT ENGINEERING TECHNOLOGY

Upon: **Mr. HOANG VAN DUNG**
Date of birth: 30 March 1995
Year of graduation: 2018
Degree classification: Ordinary
Mode of study: Full-time

Hanoi, 01 June 2018

Reg. No: 0002671

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

Cho: **Ông Hoàng Văn Dũng**
Ngày sinh: 30 / 03 / 1995
Năm tốt nghiệp: 2018
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình
Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2018



Số hiệu: **545615**
Số vào sổ cấp bằng: 0002671



PGS.TS. Đào Văn Đông



Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00025905

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/QĐ-HĐXD-CN ngày 28/7/2020)

470

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Đỗ Anh Văn**
Ngày tháng năm sinh: **28/10/1981**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **151250185**
Cấp ngày: **14/1/2010** tại **CA Thái Bình**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học kiến trúc Hà Nội**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư đô thị - ngành kỹ thuật hạ tầng và môi trường**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	I	từ 28/7/2020 đến 28/7/2025

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2020
CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
BỘ XÂY DỰNG
TS. Hoàng Quang Nhu



THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Quang Minh**
 Ngày tháng năm sinh: **12/11/1980**
 Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **001080012291**
 Cấp ngày: **11/5/2016** tại Cục cảnh sát
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Cơ sở đào tạo: **Đại học dân lập Phương Đông**
 Hệ đào tạo: **Chính quy**
 Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp	I	từ 15/1/2020 đến 15/1/2025
2	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	I	từ 15/1/2020 đến 15/1/2025

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2020

CỤC TRƯỞNG



TS. Hoàng Quang Nhu



Số hiệu bằng. **A 0228371**

Số vào sổ **Xd 2252**
61

Chữ ký của người được cấp bằng

[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường **ĐẠI HỌC VINH**

cấp


**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành **XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**
hạng *Trung bình* **khóa** năm tốt nghiệp **2008**
và công nhận danh hiệu

KỸ SƯ XÂY DỰNG

cho **Dương Quang Đức**
sinh ngày **08-09-84** tại **Nghệ An**
Vinh, ngày **12** tháng **08** năm **2008**

Hiệu trưởng *[Signature]*
Khoa trưởng **PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hải**



TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: NGA-00030194

Ban hành theo Quyết định số: 1404/QĐ.SXD-HĐXD
ngày 03/07/2018 của Sở Xây dựng Nghệ An

THÔNG TIN CÁ NHÂN




Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và Tên: **Đặng Quang Lực**

Ngày tháng năm sinh: **08/09/1984**

Số CMND: **186175371** cấp ngày: **09/02/2017** tại

Công an tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Vinh**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp./.**

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình Dân dụng và Công nghiệp	II	Từ 3/7/2018 đến 3/7/2023
2			
3			
4			

Nghệ an, ngày **13** tháng **7** năm 2018 *ng*

GIÁM ĐỐC



Hoàng Trọng Kim



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
..... Đại học Mở - Địa chất
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành Trắc địa

hạng Khá năm tốt nghiệp 2007

và công nhận danh hiệu

Số hiệu bằng

A 0020706

Số vào sổ

CHỨNG THỰC Ký sư
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH cho Lê Bá Toán

20-06-2018 sinh ngày 14/06/1982 tại Hà Nam

Chữ ký của người được cấp bằng

Số: 2087

QUYỀN: 01

Hà Nội ngày 17 tháng 07 năm 2007

Boat



Hiệu trưởng

Khoa trưởng

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Thảo



PGS.TS. Lưu Văn Thảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: *Trần Danh Vinh*

Ngày sinh: 04-08-1989 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Nghệ An

Nghề đào tạo: Kỹ thuật trắc địa (bậc 5/7)

Khóa học từ tháng 03 / 2014 đến tháng 09 / 2014

Tốt nghiệp loại: Khá

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

Số hiệu chứng chỉ: 10937

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 13388

Ngày 15 tháng 09 năm 2014



Li Nghi



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
CONSTRUCTION TECHNICAL COLLEGE No1

has conferred
ADVANCED DIPLOMA

in Architecture engineering
and the title of practical engineer

Upon: Nguyen Van Ngoc

Date of birth: 13 December 1994

Graduation grade: merit

Hanoi, 06 February 2023

Reg. No: 63/CĐ/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

cấp
BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Công nghệ kỹ thuật kiến trúc
và công nhận danh hiệu
kỹ sư thực hành

Cho: Nguyễn Văn Ngoc

Ngày sinh: 13/12/1994

Xếp loại tốt nghiệp: khá

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG SỐ 1


Số hiệu: C 001294

Số vào sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp: 63/CĐ/2023

TS. Nguyễn Ngọc Bích

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI..... cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUI
ngành Quy hoạch Đô thị.....
hạng Khóa năm tốt nghiệp .. 2005...
và công nhận danh hiệu


..... Kiến trúc sư Quy hoạch.....
cho Vũ Văn Trang.....
sinh ngày 20/11/1978..... tại Nam Định.....
..... Hà Nội ngày 15 tháng 02 năm 2005.

Hiệu trưởng Trần Trọng Khánh.....
Khoa trưởng
HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS.KTS. Trần Trọng Khánh



Số hiệu bằng
C 0678466

Chữ ký của người được cấp bằng



Số vào sổ
..... 23438

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00003555

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21/QĐ-HĐXD-CN ngày 12/06/2017)

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **VŨ VĂN TRANG**
Ngày tháng năm sinh: **20/11/1978**
Số CMND (hoặc hộ chiếu): **013616280**
Cấp ngày: **21/02/2013** tại CA Hà Nội
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Kiến trúc Hà Nội**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kiến trúc sư quy hoạch đô thị**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế kiến trúc công trình	I	Từ 12/06/2017 đến 12/06/2022
2	Thiết kế quy hoạch xây dựng	II	Từ 12/06/2017 đến 12/06/2022
3			
4			
5			

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2017

CỤC TRƯỞNG



TS. Bùi Trung Dung



Số hiệu bằng

B 213102

Số vào sổ

447/2003/QĐ-QISV
26.6.2003

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại Học Xây Dựng* cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành *Kiến trúc*

hạng *Khá* năm tốt nghiệp 2003

và công nhận danh hiệu

..... *Kiến Trúc Sư*

cho *Nguyễn Thị Phương*

sinh ngày 03.3.1980 tại *Cao Bằng*

Học Nội ngày 26 tháng 6 năm 2003

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG

Nguyễn Lê Sinh

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: **BXD-00032859**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19/QĐ-HĐXD-CN ngày 07/8/2018)

THÔNG TIN CÁ NHÂN




.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Vũ Thị Phượng**
Ngày tháng năm sinh: **05/3/1980**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **00418000024**
Cấp ngày: **05/10/2016** tại Cục CS ĐKQL cư trú và **DLQG về dân cư**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Xây dựng**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kiến trúc sư - ngành Kiến trúc**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế kiến trúc công trình	I	từ 07/8/2018 đến 07/8/2023

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2018




TS. Hoàng Quang Nhu

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

In Transport Construction Engineering

Upon: *Mr. Phung Van Trung*
Date of birth: *29 September 1994 In: Hai Duong*
Year of graduation: *2018*
Degree classification: *Ordinary*
Mode of study: *Full-time*

Hanoi, 2 February 2018

Reg. No: 2650/K54
351/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/02/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Cho: *Ông Phùng Văn Trung*
Ngày sinh: *29/09/1994 Tại: Hải Dương*
Năm tốt nghiệp: *2018*
Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình*
Hình thức đào tạo: *Chính quy*

Hà Nội ngày 02 tháng 02 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 532299

Số vào sổ cấp bằng: 2650/K54

PGS.TS Nguyễn Ngọc Long





Số hiệu bằng

C 0628844

Số vào sổ

22883

Chữ ký của người được cấp bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

..... ĐAI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành .. Xây dựng Dân dụng Công nghiệp

hạng KHÁ năm tốt nghiệp 2005

và công nhận danh hiệu

..... Kỹ sư Xây dựng

cho Phạm Thị Hoài

sinh ngày 04-09-1983 tại Ninh Bình

Họ tên ngày 15 tháng 08 năm 2005

Hiệu trưởng 

Khoa trưởng 

HIỆU TRƯỞNG
PGS TS. KT.S. Trần Trung Khanh



Số hiệu bằng

B **141427**

Số vào sổ

132.00

30-6-99

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Xây dựng Hà Nội
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành *Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp*

hạng *Khá* năm tốt nghiệp 1999

và công nhận danh hiệu

Kỹ sư *Xây dựng*
cho *Nguyễn Đức Phương*
sinh ngày *18-4-1976* tại *Hà Phòng*

Hà Nội ngày *30* tháng *6* năm *1999*

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

PGS.PTS. Nguyễn Lê Ninh





Số hiệu bằng
C 0001008

Số vào sổ
163/QĐ-ĐT
10/03/2008

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Xây dựng
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp*
hạng *Khá*..... năm tốt nghiệp 2008.....
và công nhận danh hiệu

.....*Kỹ sư Xây dựng*.....
cho *Vũ Văn Lưu*.....
sinh ngày 21/10/1985 tại *Hàm Định*.....
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2008.....

Hiệu trưởng: 
Khoa trưởng: *Nguyễn Văn Hùng*

THAI NGUYEN UNIVERSITY SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness


RECTOR

THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

Awards


THE DEGREE OF BACHELOR

In: *Electricity Network*
 Program: *Working & Studying* Grade: *Upper Average*
 To: *Phan Quang Vinh*
 Date of birth: *02/10/1983*
 Place of birth: *Quang Ninh*



Award holder's signature

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc




HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG
ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Ngành: *Kỹ thuật điện*
 Hệ: *Vừa làm vừa học* Hạng: *Trung bình Khá*
 Cho: *Phan Quang Vinh*
 Sinh ngày: *02/10/1983* Tại: *Quảng Ninh*

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 02 năm 2009



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Bình

PGS.TS. Nguyễn Đăng Bình

QĐ công nhận tốt nghiệp số: 100/QĐTN ngày 05-02 2009
 Số vào số: *4930/TC* Số hiệu bằng: ĐĐ **0018210**

Số hiệu bằng **C 817717**

Số vào sổ **04/4770C**

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng trường *Đại học Dân lập Hải Phòng* cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC


loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Tỷ thuật - Điện - Điện tử*
hạng *Trung bình khá* năm tốt nghiệp *2007*...
và công nhận danh hiệu *Kỹ sư Điện dân dụng và công nghiệp*

cho *Vũ Phúc Thịnh*
sinh ngày *16.12.1985* tại *Hải Phòng*
Hải Phòng ngày *10* tháng *12* năm *2007*

Hiệu trưởng *[Signature]*
Khoa trưởng *[Signature]*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. NGUYỄN VĂN NGHỆ






Số hiệu bằng
543163
B

Số vào sổ
183/2005/20-07
10.3.2005

Chữ ký của người được cấp bằng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại Học Xây Dựng
cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

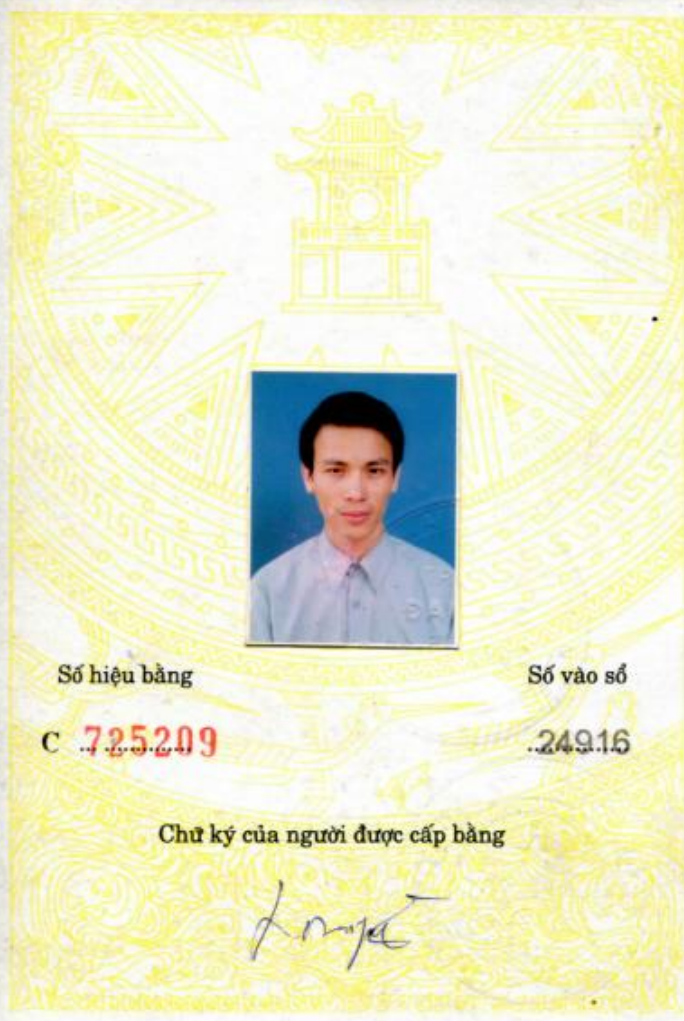
loại hình đào tạo.....CHÍNH QUY.....
ngành *Cấp thoát nước - Môi trường nước*
hạng *Thạc sĩ*..... năm tốt nghiệp *2005*....
và công nhận danh hiệu


.....*Nữ sĩ Xây dựng*.....

cho.....*Bùi Nhật Minh*.....
sinh ngày *01.5.1982* tại *Thái Bình*.....
Hải Phòng ngày *10* tháng *3* năm *2005*.....

Hiệu trưởng


Khoa trưởng
TS Nguyễn Văn Hùng





Số hiệu bằng Số vào sổ

C **725209** 24916

Chữ ký của người được cấp bằng

[Handwritten Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
 theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
 Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
 **ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**
 cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
 ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUI**
 ngành **Cấp thoát nước**
 hạng **Trung bình** năm tốt nghiệp **2006**
 và công nhận danh hiệu
 **Kỹ sư Đô thị**

cho *Nguyễn Văn Thịnh*
 sinh ngày **31.01.1978** tại **Hà Bắc**
 **Hà Nội** ngày **22** tháng **08** năm **2006**

Hiệu trưởng *[Signature]*
 Khoa trưởng *[Signature]*
 HIEU TRƯỞNG
 PGS.TS.KTS. *Trần Trọng Hạnh*



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR
HANOI ARCHITECTURAL UNIVERSITY

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER
Water Supply and Water Disposal

Upon: **Mr. DANG VIET AN**
Date of birth: **09-12-1989**
Year of graduation: **2012**
Degree classification: **Good**
Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 04th August 2012

Reg. No: 34704

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

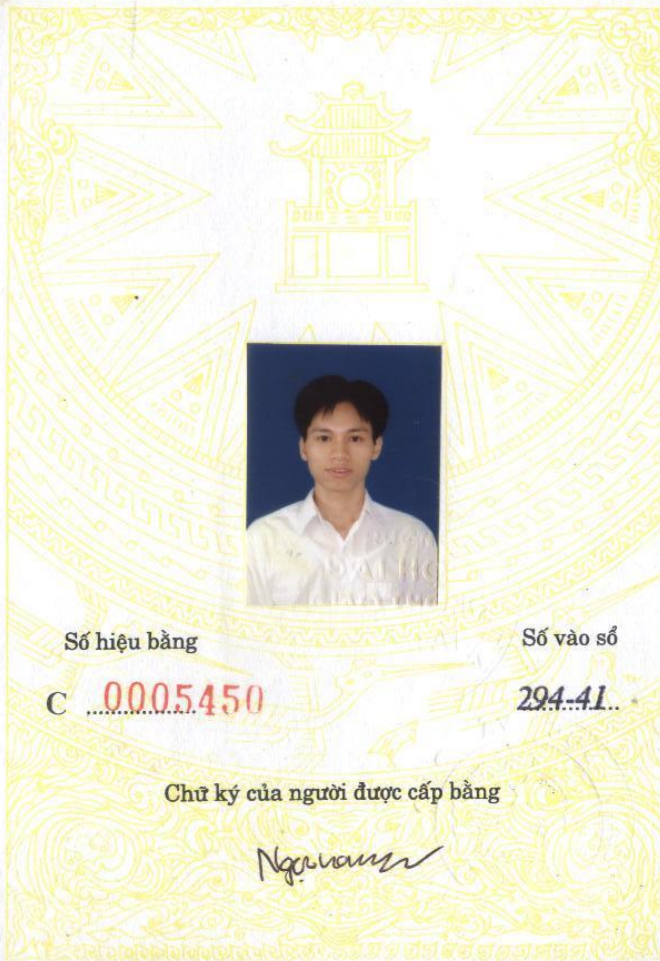
cấp
BẰNG KỸ SƯ
Cấp thoát nước


Cho: **Ông DẶNG VIỆT AN**
Ngày sinh: **09-12-1989**
Năm tốt nghiệp: **2012**
Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2012
Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường

Số hiệu: **090166**
Số vào sổ cấp bằng: 34704 PGS.TS. Vương Ngọc Lưu





Số hiệu bằng Số vào sổ

C **0005450** 294.41

Chữ ký của người được cấp bằng

Ngọc Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VÀ TÀI

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**
ngành *Xây dựng Cầu đường*
hạng *TB Khá* năm tốt nghiệp *2007*
và công nhận danh hiệu

..... *Kỹ sư Xây dựng Đường bộ*

cho *Bùi Ngọc Nam*

sinh ngày *29/12/1982* tại *Hà Tây*

Hà Nội, ngày *14* tháng *08* năm *2007*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG
VÀ TÀI

HIỆU TRƯỞNG
Trần Đức Sĩ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại học giao thông vận tải* cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHINH QUY
ngành *Xây dựng Cầu Đường*
hạng *Khá* năm tốt nghiệp *2002*

và công nhận danh hiệu
Kỹ sư xây dựng Cầu Đường

cho *Trần Thanh Phương*
sinh ngày *30.04.1978* tại *Chái Bính*
trần đình ngày *10* tháng *06* năm *2002*

Hiệu trưởng
Khoa trưởng
ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
HIỆU TRƯỞNG
Lê Văn Học

Số hiệu bằng

B **411300**

Số vào sổ

835-38

Chữ ký của người được cấp bằng

Tghe

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF ARCHITECTURE

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) *Le Khắc Bảo*
 Born on: 04/11/1987
 Major in: **Urban Infrastructure Engineering**
 Ranking: **Strong-pass**
 Mode of study: **Full-time**



Serial number: 00162443

Reference number: 774/2010/KT-QLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

DANH HIỆU: BẰNG KỸ SƯ

Cho: *Le Khắc Bảo*
 Giới tính: Nam
 Ngày, tháng, năm sinh: 04/11/1987
 Ngành đào tạo: **Kỹ thuật hạ tầng đô thị**
 Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình khá**
 Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2010



Số hiệu: 00162443

Số vào sổ cấp bằng: 774/2010/KT-QLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**
ngành **Kinh tế xây dựng**
hạng **TB Khá** năm tốt nghiệp **2009**
và công nhận danh hiệu

Kỹ sư Kinh tế xây dựng

cho **Mai Quang Đàm**

sinh ngày **26/10/1979** tại **Hải Dương**

Hà Nội, ngày **04** tháng **03** năm **2009**

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



HIỆU TRƯỞNG

Trần Đức Phú



Số hiệu bằng

A 199354

Số vào sổ

124-41

CHỨNG NHẬN BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **331** Quyển số: **01** SCT/BS
Chữ ký của người được cấp bằng

15-06-2012

TM. UBND PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Quang Lợi

BẢN SAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI.....
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành *Kinh tế xây dựng*

hạng *Khá* năm tốt nghiệp .. 2009

và công nhận danh hiệu

..... *Kỹ sư Kinh tế xây dựng*

cho *Vũ Anh Nguyệt*

sinh ngày *08/03/1981* tại *Thanh Hoá*

Hà Nội, ngày *10* tháng *06* năm 2009

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



HIỆU TRƯỞNG

Trần Bảo Tú

Số hiệu bằng

A **306102**

Số vào sổ

..... **2013/46**

Chữ ký của người được cấp bằng

[Handwritten signature]

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực *16061* quyển số *21* SCT/BS

Ngày **17/10/2009**



K/CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Chu Tuấn Anh

668

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SỞ CẤP

Cho: Ông : Phùng Đình Quy

Sinh ngày: 04/10/1985

Đã hoàn thành chương trình: Thợ cốp pha (bậc 4/7)

Từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 đến ngày 15 tháng 04 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội , ngày 22 tháng 04 năm 2019

Số hiệu: 009436

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009523



HIỆU TRƯỞNG

Lê Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

Trung tâm dạy nghề và Ứng dụng công nghệ CTA

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP



Cho:

ĐÀO THỊ DIỆP

Sinh ngày:

07/1977

Đã hoàn thành chương trình:

Thợ cấp pha

Từ ngày **16** tháng **02** năm **2017** đến ngày **15** tháng **05** năm **2017**

Xếp loại:

Khá

Hà Nội ngày **20** tháng **05** năm **2017**

Số hiệu: **08586**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **7746/18**



GIÁM ĐỐC
Đỗ Văn Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC

Trung tâm dạy nghề và Ứng dụng công nghệ CTA

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: **ĐỖ QUỐC TỬ**

Sinh ngày: **18/02/1984**

Đã hoàn thành chương trình: **Thợ bê tông**

Từ ngày **07** tháng **05** năm **2016** đến ngày **06** tháng **08** năm **2016**

Xếp loại: **Khá**

Hà Nội ngày **08** tháng **08** năm **2016**



Số hiệu: **01297**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **115/18**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Ông : Nguyễn Văn Nhu

Sinh ngày: 30/05/1985

Đã hoàn thành chương trình: Thợ bê tông (bậc 4/7)

Từ ngày 15 tháng 09 năm 2018 đến ngày 18 tháng 03 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số hiệu: 009329

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009410

Lê Nghị



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ xây dựng Hà Nội
cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**



Cho: **Trương Phước Thịnh**

Ngày sinh: **24/06/1973**

Giới tính: **Nam**

Nơi sinh: **Tỉnh Khánh Hòa**

Nghề đào tạo: **Kỹ thuật xây dựng**

Khoá học từ tháng **06 / 2014** đến tháng **09 / 2014**

Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày **24** tháng **09** năm **2014**

Hiệu trưởng

Số hiệu chứng chỉ: **2057/KT-NV**

Vào sổ cấp chứng chỉ số: **27-KTXD**

Ngày **24** tháng **09** năm **2014**



ThS. Vũ Tiên Hiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SỞ CẤP

Cho: Ông : Trần Xuân Trình

Sinh ngày: 08/01/1987

Đã hoàn thành chương trình: Thợ sắt thép (bậc 4/7)

Từ ngày 25 tháng 02 năm 2019 đến ngày 18 tháng 08 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội , ngày 25 tháng 08 năm 2019

Số hiệu: 009856

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009719



HIỆU TRƯỞNG

Lê Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Bà : Phùng Thị Bích Hương

Sinh ngày: 20/09/2001

Đã hoàn thành chương trình: Thợ hàn (bậc 3/7)

Từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 đến ngày 18 tháng 05 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2019

Số hiệu: 009512

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009636



HIỆU TRƯỞNG

Lê Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Ông : Vũ Kim Dương

Sinh ngày: 04/10/2000

Đã hoàn thành chương trình: Thợ điện (bậc 3/7)

Từ ngày 15 tháng 04 năm 2019 đến ngày 18 tháng 10 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Số hiệu: 009968

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009990



HIỆU TRƯỞNG

Lê Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Ông : Vũ Kim Công

Sinh ngày: 20/09/1970

Đã hoàn thành chương trình: Thợ cấp thoát nước (bậc 4/7)

Từ ngày 15 tháng 05 năm 2019 đến ngày 15 tháng 11 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội , ngày 22 tháng 11 năm 2019

Số hiệu: 009986

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009899



Lê Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Ông : Nguyễn Tuấn Anh

Sinh ngày: 14/05/1992

Đã hoàn thành chương trình: Thợ nề hoàn thiện (bậc 3/7)

Từ ngày 15 tháng 03 năm 2019 đến ngày 15 tháng 09 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội , ngày 22 tháng 09 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 009902

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009870



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP TỔNG HỢP HÀ NỘI

cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP

Cho: Bà : Nguyễn Thị Nhân

Sinh ngày: 25/03/1977

Đã hoàn thành chương trình: Thợ nề hoàn thiện (bậc 4/7)

Từ ngày 15 tháng 03 năm 2019 đến ngày 15 tháng 09 năm 2019

Xếp loại: Khá

Hà Nội , ngày 22 tháng 09 năm 2019

Số hiệu: 009901

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 009869



Lê Nghị

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghiệp
cấp

CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ

Cho: *NGUYỄN VĂN HÒA*
Ngày sinh: *01-5-1988*
Nơi sinh: *Lạng Giang, Bắc Giang*
Nghề đào tạo: *Kỹ thuật Sát - Hàn*
Khóa học từ ngày *28/3/2018* đến ngày *28/9/2018*
Tốt nghiệp loại: *Trung bình khá*

Số hiệu chứng chỉ

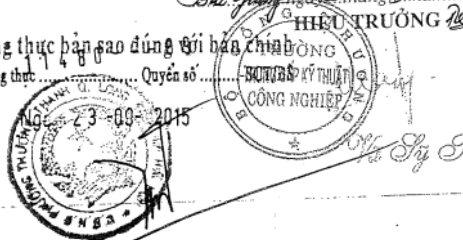


Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: Quyền số:

Vào sổ cấp chứng chỉ số: *313*
Ngày: *21* tháng *9* năm *2018*



PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Văn Lực

101

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG

Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghiệp
cấp

**CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ**

Cho: *NGUYỄN VĂN LINH*

Ngày sinh: *09-6-1989*

Nơi sinh: *Sơn Đông, Bắc Giang*

Nghề đào tạo: *Kỹ nghệ Sơn Sơn*

Khoá học từ ngày *28/3/2008* đến ngày *28/9/2008*

Tốt nghiệp loại: *Trung bình khá*

Bắc Giang ngày 28 tháng 9 năm 2008

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu chứng chỉ



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: *1-4-0-1* - Quyền số



Vũ Sỹ Thăng

Vào sổ cấp chứng chỉ số: *319*
Ngày: *29* tháng *9* năm *2008*

PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Văn Lực

Số hiệu chứng chỉ



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 331
Ngày: 21 tháng 9 năm 2008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG

Hiệu trưởng cấp Kỹ thuật Công nghiệp
cấp

CHỨNG CHỈ
SƠ CẤP NGHỀ

Cho: NGUYỄN ĐÌNH SÀM
Ngày sinh: 20-11-1985
Nơi sinh: T.P. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Nghề đào tạo: Kỹ nghệ Sắt - Thép
Khoá học từ ngày 28/3/2008 đến ngày 28/9/2008
Tốt nghiệp loại: Khá

Bưu Giang ngày 21 tháng 9 năm 2008



Chứng thực bản sao đúng với bản chính cấp kỹ thuật
Số chứng thực: 1.4.67 - Quyển số

Ngày: 23-09-2015



Vũ Sỹ Thăng

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIÁM ĐỐC

Trung tâm Giáo dục thường xuyên
Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Hương Khê

Cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP NGHỀ

Ảnh 4x6

Cho:..... NGUYỄN VĂN HƯNG.....

Ngày sinh:..... 10/06/1992..... Giới tính:..... Nam.....

Nơi sinh:..... Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh.....

Nghề đào tạo:..... Hàn.....

Khóa học từ tháng..... 04..... / 2011..... đến tháng..... 07..... / 2011.....

ĐƠN XÃ HƯƠNG TRẠCH - HƯƠNG KHÊ - HÀ TĨNH

Tổng nghiệp vụ/BAN CHỈ ĐẠO TB. Khá

Nguyễn Văn Tuấn

09-07-2012

Hương Khê, ngày 06 tháng 07 năm 2011.

Giám đốc



Số hiệu chứng chỉ:..... 092011/DNHK.....

Vào sổ cấp chứng chỉ số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....



535



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

Trung tâm Giáo dục thường xuyên
Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Hương Khê

Cấp

CHỨNG CHỈ SƠ CẤP NGHỀ



Chọ: PHẠM DƯƠNG TÀN

Ngày sinh: 10/05/1992 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Hương Trạch - Hương Khê - Hà Tĩnh

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng chỉ: 192011/DNHK

Khoá học từ tháng 04 / 2011 đến tháng 07 / 2011

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HƯỚNG NGHIỆP HƯƠNG KHÊ - HÀ TĨNH
Loại: TB. Khá

Hương Khê, ngày 06 tháng 07 năm 2011.

Giám đốc

Số hiệu chứng chỉ: 192011/DNHK


Vào sổ cấp chứng chỉ số:

Ngày tháng năm

BẢN SAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẰNG TỐT NGHIỆP
NGHỀ

Số hiệu bằng165097...../GD-ĐT



Vào số số574.....
Ngày11.....tháng7.....năm97.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG *Từ phạm kỹ thuật xây dựng*

Cấp cho.....*Đàm Văn Dương*.....
Sinh ngày.....*11.07.1974*.....
Nguyên quán.....*Châu Giang Hải Hưng*.....
Học nghề.....*Điện Nước*.....
Khoa.....*18*.....
Từ ngày.....*20.9.1995*.....đến ngày.....*11.7.1997*.....
Tốt nghiệp hạng.....*Trung bình khá 3/4*.....
Theo quyết định số.....*164/TS-ĐT*.....
Ngày.....*11*.....tháng.....*7*.....năm 1997.....
.....Ngày.....*11*.....tháng.....*7*.....năm 1997.....

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Tố

Chúng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực **57.7.7** Quyển **03** SCT/BS
Ngày.....*14*.....tháng.....*7*.....năm.....*97*.....

PHÓ CHỦ TỊCH
Dương Quyết Tiến

55



BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP DẠY NGHỀ THANH XUÂN

cấp

**CHỨNG CHỈ
SỞ CẤP NGHỀ**



Cho: Ngô Quang Đức

Ngày sinh: 16 - 06 - 1976 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Hà Nội

Nghề đào tạo: Sửa chữa lắp đặt điện nước

Khoá học từ tháng 06 / 2009 đến tháng 11 / 2009

Tốt nghiệp loại: Khá

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2009

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 1.1.4.2.5... Quyển 009..... SCT/B

Ngày 23-09-2015

Số hiệu chứng chỉ: 312835

Vào sổ cấp chứng chỉ số: 12/2009

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Lực

499

BẢN SAO

SCHOOL OF FOREIGN ECONOMIC TECHNOLOGY
TECHNICS EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

CERTIFICATE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGHỀ

Họ tên : *Đỗ Văn Lợi*
Sinh ngày : *14/07/1988*
Nơi sinh : *Thái Nguyên*

Đã hoàn thành chương trình đào tạo
Điện Công Nghiệp Và Dân Dụng

Thời gian đào tạo : *06 Tháng*
Đạt loại : *Khá*

Ngày 20 tháng 06 năm 2012

GIÁM ĐỐC



[Signature]
Vũ Xuân Đoàn

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số HIỆU: 14.218
Số chứng thư: *0732* Quyền số: *01* SCT/BS

Ngày *06* tháng *02* năm *2015*



PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]
Dương Quyết Tiến

BẢN SAO

SCHOOL OF FOREIGN ECONOMIC TECHNOLOGY
TECHNICS EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGHỀ



Họ tên : Trần Văn Tự
Sinh ngày : 10/11/1983
Nơi sinh : Phước Thọ

Đã hoàn thành chương trình đào tạo
Điện Công Nghiệp Và Dân Dụng
Thời gian đào tạo : 06 Tháng
Đạt loại : Khá

Ngày 20 tháng 06 năm 2012

GIÁM ĐỐC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Số chứng thư 0738 Quyền số 01 CT/BS

SỐ HIỆU: 14.219.6 tháng 02 năm 2015



[Signature]
Trần Văn Đoàn

PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Quyết Tiến

BẢN SAO

SCHOOL OF FOREIGN ECONOMIC TECHNOLOGY
TECHNICS EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGHỀ



Họ tên : Hà Thế Xuân
Sinh ngày : 21/04/1985
Nơi sinh : Phước Thọ

Đã hoàn thành chương trình đào tạo
Điện Công Nghiệp Và Dân Dụng
Thời gian đào tạo : 06 Tháng
Đạt loại : Khá

Ngày 20 tháng 06 năm 2012

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng chỉ 0740, Quyền số 01 SCT/BS
Ngày 06 tháng 02 năm 2015
SỐ HIỆU 14.212



PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Quyết Tiến



Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BẢN SAO

SCHOOL OF FOREIGN ECONOMIC TECHNOLOGY
TECHNICS EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGHỀ



Họ tên : Nguyễn Đình Quyết
Sinh ngày : 13/12/1992
Nơi sinh : Nghệ An

Đã hoàn thành chương trình đào tạo
Điện Công Nghiệp Và Dân Dụng
Thời gian đào tạo : 06 Tháng
Đạt loại : Khá

Ngày 20 tháng 06 năm 2012

GIÁM ĐỐC



Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số hiệu 14.216.734 Quyển số 01
Ngày 06 tháng 02 năm 2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Dương Quyết Tiến

BẢN SAO

SCHOOL OF FOREIGN ECONOMIC TECHNOLOGY
TECHNICS EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO NGHỀ



Họ tên : Bùi Ngọc Yên
Sinh ngày : 22/09/1983
Nơi sinh : Phước Thọ

Đã hoàn thành chương trình đào tạo
Điện Công Nghiệp Và Dân Dụng
Thời gian đào tạo : 06 Tháng
Đạt loại : Khá

Ngày 20 tháng 06 năm 2012
GIÁM ĐỐC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.

Số chứng thực 0736 Quyển số 01

Ngày 06 tháng 02 năm 2015

SỐ HIỆU: 14.219



PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Quyết Viễn



Vũ Tiến Đoàn

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG FICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN BẬC NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CN & XD FICO



Chứng nhận Ông (Bà): *Phạm Văn Chắt*

Năm sinh: 1991 Tại: HÀ NAM

Đã tham gia dự kỳ thi nâng bậc nghề ngày 30/06/2010

Đạt bậc: 3/7 . Nghề: KTXD

Theo quyết định số 340/D-TTCN. Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Tại Bộ Chỉ huy Dự án, ngày 02 tháng 07 năm 2010

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 4256..... 2... SCT/B

Ngày..... 10...06... 2014

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 12 - QUẬN TÂN BÌNH



Phạm Văn Nhiệm



Nguyễn Văn Chung

545

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG FICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN BẠC NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CN & XD FICO



Chứng nhận Ông (Bà): *Nguyễn Xuân Tùng*

Năm sinh: *1988* Tại: **THÁI BÌNH**

Đã tham gia dự kỳ thi nâng bậc nghề ngày 30/06/2010

Đạt bậc: 3/7 . Nghề : KTXD

Theo quyết định số : 36/QĐ-TTCN. Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2010

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....*42646*..... quyển số.....*2*.....SCT/B

Ngày.....*10-06-2014*.....

TỔ CHỨC UBND PHƯỜNG 12 - QUẬN TÂN BÌNH



Phạm Văn Nhiệm



Nguyễn Văn Chung

545

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG FICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN BẬC NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CN & XD FICO



Chứng nhận Ông (Bà): *Phạm Văn Chiến*

Năm sinh: 1972 Tại: HÀ NAM

Đã tham gia dự kỳ thi năng bậc nghề ngày 30/06/2010

Đạt bậc: 4/7 . Nghề: KTXD

Theo quyết định số 26/QĐ-TTCN, Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Triển khai Chi Minh, ngày 02 tháng 07 năm 2010



Phạm Văn Nhiệm

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 4262 số 2.....SCT/BS

Ngày..... 10-06-2014.....

PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỜNG 12 - QUẬN TÂN BÌNH



Nguyễn Văn Trung

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG FICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN BẬC NGHỀ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CN & XD FICO



Chứng nhận Ông (Bà): *Vũ Quang Đồ*

Năm sinh: 1977 Tại: HẢI DƯƠNG

Đã tham gia dự kỳ thi nâng bậc nghề ngày 30/06/2010

Đạt bậc: 4/7 Nghề: KTXD

Theo quyết định số 36/QĐ-TTCN. Ngày 30 tháng 06 năm 2010



CHỨNG THỰC BẮC ĐƯƠNG VỚI BẮC CHINH

Số chứng thực: 2642 quyền số

Ngày: 10-06-2016

PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỜNG 13, QUẬN TÂN BÌNH

Phạm Văn Nhiệm



Nguyễn Văn Cường

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG FICO

GIẤY CHỨNG NHẬN BẬC NGHỀ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CN & XD FICO

Chứng nhận Ông (Bà): *Phạm Duy Khánh*

Năm sinh: 1981 Tại: Quảng Ngãi

Đã tham gia dự kỳ thi nâng bậc nghề ngày 30/06/2010

Đạt bậc: 4/7 Nghề: KTXD

Theo quy chế thi nâng bậc nghề QĐ-TTCN. Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Ngày 02 tháng 07 năm 2010



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 42842 quyền số..... SCT/BS

Ngày..... 10-06-2014

PHÓ CHỦ TỊCH QUẢN LÝ THI CÔNG 12 - QUẬN TÂN BÌNH



Nguyễn Văn Cường

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Công đoàn cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **CHÍNH QUY**

ngành Bảo hộ lao động

hạng Trung bình khá năm tốt nghiệp 2004

và công nhận danh hiệu

Kỹ sư



Số hiệu bằng

566633

B

Số vào sổ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

cho Đặng Nguyễn Khoản

Ngày: **30-01-2013**

sinh ngày 04/07/80 tại Hà Tây

Chữ ký của người được cấp bằng

Hà Nội ngày 25 tháng 06 năm 2006

Số CT: 2765 Quyền số: 02

SCT/B Hiệu trưởng

PHÒNG QUẢN LÝ CHỈ THỊ UBND PHƯƠNG HÀ CẦU

Khoa trưởng



PGS.TS. Nguyễn Việt Hùng

Nguyễn Hữu Vinh

400



CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN
AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



CHỨNG NHẬN

Ông (Bà) : Đặng Nguyễn Khoa
 Năm sinh: 4/7/1980
 Quê quán: Hà Nội
 Số CMND/Hộ chiếu: 111356957
 Trình độ: Kỹ sư
 Chuyên ngành : Bảo hộ lao động

NỘI DUNG ĐƯỢC HUẤN LUYỆN

1. Kiến thức chung về An toàn lao động, vệ sinh lao động.
2. Kiến thức chuyên ngành về An toàn lao động, vệ sinh lao động:
+ Các công việc liên quan trong hoạt động xây dựng được quy định tại Phụ lục 1 – Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013./.

Là Giảng viên được huấn luyện
An toàn lao động, vệ sinh lao động

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CT:.....2574.....DUYÊN SỐ:.....12.....UB/CTBS

Giấy chứng nhận có thời hạn 5 năm kể từ ngày được cấp.

NGÀY: 10-09-2014

Số GCN: ...0268.../...019.../GVHL

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG QUANG TRUNG

Hà Nội, Ngày 17 tháng 9 năm 2014

Căn cứ Quyết định lựa chọn đơn vị huấn luyện giảng viên tại Công văn số: 195/ATLĐ-TTTHL ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Cục An toàn lao động.



CHỦ TỊCH
Bùi Diên Hòa

104

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: **PHẠM VĂN THANH**
Sinh ngày: **25/02/1975** Nơi sinh: **Ninh Bình**
Đã hoàn thành chương trình **BD, nâng cao nghề Mộc cấp pha tương đương bậc 5/7**
Từ ngày **05** tháng **06** năm **2015** đến ngày **14** tháng **06** năm **2015**
Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội**
Xếp loại: **Khá**
Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm **2015**



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số vào sổ: **5550/2015** thực hiện theo Quyết định số **01** /SCT/BS-THS. Nguyễn Phúc Đức

Ngày **20-10-2015**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: NGUYỄN VĂN THANH
Sinh ngày: 1965 Nơi sinh: Vĩnh Phú
Đã hoàn thành chương trình BD, nâng cao nghề Mộc cấp pha tương đương Bậc 5/7
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội
Xếp loại: Trung bình Khá
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Số vào sổ: 5548/XĐĐT
Số chứng thực: Quyển số:
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
TS. Nguyễn Phúc Đức
Ngày 20-10-2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: NGUYỄN VĂN HÙNG
Sinh ngày: 10/10/1976 Nơi sinh: Phú Thọ
Đã hoàn thành chương trình BD, nâng cao nghề Mộc cấp pha tương đương Bậc 4/7
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội
Xếp loại: Trung bình Khá
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Số vào sổ: 5549/XĐBT Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 3.6.4.2 Quyển số: SC/ĐTS Nguyễn Phúc Đức
Ngày 20/10/2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: **ĐINH VĂN CA**
Sinh ngày: 18/05/1979 Nơi sinh: Ninh Bình
Đã hoàn thành chương trình **ĐD, nâng cao nghề Nề hoàn thiện tương đương Bạc 4/7**
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội**
Xếp loại: **Trung bình Khá**

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số vào sổ: ~~5543~~ / ~~XĐHT~~ ~~ĐHTT~~ thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 3 5 3 6 Quyển số SCT/BS **ThS: Nguyễn Phúc Đức**

Ngày 20-10-2015



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

BẢN SAO

Cấp cho: **BÙI VĂN THỦY**
Sinh ngày: **18/05/1972** Nơi sinh: **Phú Thọ**
Đã hoàn thành chương trình **BD, nâng cao nghề Nề (Hạ tầng kỹ thuật) tương đương Bạc 5/7**
Từ ngày **05** tháng **06** năm **2015** đến ngày **14** tháng **06** năm **2015**
Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội**
Xếp loại: **Trung bình Khá**
Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm **2015**

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Phúc Đức

Số vào sổ: **5563/XDBT**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: **12189** - Quyển số: **SCT/BS**

Ngày, 09-10-2015



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: ĐỖ VĂN VƯỢNG
Sinh ngày: 21/06/1973 Nơi sinh: Thái Bình
Đã hoàn thành chương trình BD, nâng cao nghề Nề hoàn thiện tương đương Bạc 5/7
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội
Xếp loại: Trung bình Khá
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Số vào sổ: 5544 /XDĐT

Chứng thực bản sao đúng với bản chính ThS. Nguyễn Phúc Đức
Số chứng thực Quyển số -SCT/BS

Ngày 20-10-2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: NGUYỄN BÁ THẮNG
Sinh ngày: 1978 Nơi sinh: Hà Nội
Đã hoàn thành chương trình ĐD, nâng cao nghề Nề hoàn thiện tương đương Bạc 4/7
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội
Xếp loại: Trung bình Khá
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

Chứng thực bản sao đúng với bản gốc
Số vào sổ: 5547/XDBT Số chứng thực: 3.6.4.9 Quyển số: SCT/BS
Ngày 20-10-15 **ThS. Nguyễn Phúc Đức**



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: **PHÙNG MINH THỨC**
Sinh ngày: **14/04/1969** Nơi sinh: **Hà Nội**
Đã hoàn thành chương trình **BD, nâng cao nghề Điện tương đương Bạc 5/7**
Từ ngày **05** tháng **06** năm **2015** đến ngày **14** tháng **06** năm **2015**
Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội**
Xếp loại: **Trung bình Khá**
Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm **2015**

HIỆU TRƯỞNG



Số vào sổ: **5552/XĐBT**

ThS. Nguyễn Phúc Đức

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: **2-1-9-7** Quyển số: **SCT/BS**

Ngày: **09-10-2015**



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hải

BẢN SAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: **NGÔ VĂN VÂN**
Sinh ngày: **07/02/1967** Nơi sinh: **Thái Nguyên**
Đã hoàn thành chương trình **BD, nâng cao nghề Nước tương đương Bạc 5/7**
Từ ngày **05** tháng **06** năm **2015** đến ngày **14** tháng **06** năm **2015**
Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội**
Xếp loại: **Trung bình Khá**
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015



Số vào sổ: **5553 /XDP** Thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực **1.2.1.9.9** Quyển số: **SCT/BS** **ThS. Nguyễn Phúc Đức**

Ngày 09-10-2015



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Thanh Hằng

100

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI

Cấp cho: NGUYỄN VĂN THU
Sinh ngày: 27/02/1962 Nơi sinh: Thái Nguyên
Đã hoàn thành chương trình BD, nâng cao nghề Bê tông tương đương Bậc 5/7
Từ ngày 05 tháng 06 năm 2015 đến ngày 14 tháng 06 năm 2015
Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội
Xếp loại: Trung bình
Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số vào sổ: 5562/XĐBT Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực: 3.6.6.6 Quyền ký: SCT/BS
ThS. Nguyễn Phúc Đức

Ngày 28



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Thanh Hồng

4TT

BẢN SAO

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƠ CẤP NGHỀ

Cấp cho Ông/ Bà: **PHẠM VĂN KIẾT**
Sinh ngày: **21 - 09 - 1981**
Quê quán: **VĨNH LONG**




Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ thợ Thi công đường bậc 5/7.
Thời gian học: Từ 10/03/2014 đến 10/09/2014.

THỰC HÀNH VÀ KIỂM NGHIỆM ĐẠT LOẠI: **Khá**
Số chứng thư: **0727** Quyền số: **01 SGT/BS**
(Chữ ký của người được cấp) Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

Ngày: **27 - 07 - 2017**

VIỆN TRƯỞNG
Đào Tùng Bách

Số: **QĐ 03/2014/BDNV**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trương Thị Nga

000242

BẢN SAO

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƠ CẤP NGHIỆP

Cấp cho Ông/Bà: **LÊ VĂN TRƯƠNG**

Sinh ngày: 15 - 02 - 1962

Quê quán: TP. HỒ CHÍ MINH

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Thi công đường bậc 4/7.

Thời gian học: Từ 10/03/2014 đến 10/09/2014.

Kết quả học tập đạt loại: **Khá**



(Chữ ký của người đứng đầu) **CHỨNG CHỈ BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.** Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

Số chứng chỉ: 12721.....01.....SCT/BS

Ngày: 21-07-2017

VIỆN TRƯỞNG

Số: QĐ 03/2014/BDNV



Đào Tùng Bách

CÔNG CHỨNG VIÊN

Trương Thị Nga

000245



BẢN SAO

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƠ CẤP NGHIỆP

Cấp cho Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN QUỲNH**

Sinh ngày: 26 - 10 - 1980

Quê quán: TP. HỒ CHÍ MINH

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ *Thợ Thi công đường bậc 4/7.*

Thời gian học: Từ 10/03/2014 đến 10/09/2014.

Kết quả học tập đạt loại: **Khá**



(Chữ ký của người được cấp)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực: 1-2-7-2-1-01-SCT/BS

Ngày: 21-07-2017

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

VIỆN TRƯỞNG



Đào Tùng Bách

Số: QĐ 03/2014/BDNV



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trương Thị Nga

000248



BẢN SAO

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƠ CẤP NGHỀ

Cấp cho Ông/ Bà: **NGUYỄN VĂN BÀI ANH**

Sinh ngày: **15 - 08 - 1967**

Quê quán: **TP. HỒ CHÍ MINH**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ **Thợ Thi công đường bậc 4/7.**

Thời gian học: Từ **10/03/2014** đến **10/09/2014.**

Kết quả học tập đạt loại: **Khá**



(Chữ ký của người được cấp)

Hà Nội, ngày **15** tháng **09** năm **2014**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: **12721** Quyển: **01** SCT/BS

Ngày: **21-07-2017**

Số: **QĐ 03/2014/BDNV**



VIỆN TRƯỞNG
Đào Tùng Bách

CÔNG CHỨNG VIÊN

000251 Trương Thị Nga



BẢN SAO

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƠ CẤP NGHIỆP

Cấp cho Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN GIỌT**
Sinh ngày: 10 - 08 - 1970
Quê quán: TP. HỒ CHÍ MINH

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Thợ Thi công đường bậc 4/7.
Thời gian học: Từ 10/03/2014 đến 10/09/2014.
Kết quả học tập đạt loại: **Khá**

(Chữ ký của người được cấp)
Số chứng chỉ: 12721 Quyển 01 SCT/BS
Ngày: 21-07-2017

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2014

VIỆN TRƯỞNG
Đào Tùng Bách

Số: QĐ 03/2014/BDNV

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỞNG THỊ NGHĨA
HÀ NỘI ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI
CHƯƠNG MẠI - TP. HÀ NỘI



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

000254

“Áp dụng trang thiết bị máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại là phương pháp tốt nhất để tăng năng suất lao động và giảm thiểu chi phí nhân công và vận hành”



**NĂNG LỰC
THIẾT BỊ**



Cầu bánh lốp



Máy xúc



Máy bơm



Máy đầm bàn



Máy đầm cóc



Giàn giáo



Máy cắt uốn sắt



Máy hàn



Máy xoa tường



Máy trộn bê tông



Dụng cụ khác



Máy phát điện

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH



NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

STT	DIỄN DẢI	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	2.519.769.227	4.640.313.479	6.378.159.991
2	Tổng nợ phải trả	440.634.381	1.761.093.736	1.922.140.342
3	Tài sản ngắn hạn	2.519.769.227	4.640.313.479	6.378.159.991
4	Tổng nợ ngắn hạn	440.634.381	1.761.093.736	1.922.140.342
5	Doanh thu	5.016.772.727	8.526.454.545	13.158.456.545
6	Lợi nhuận trước thuế	595.844.182	1.000.106.121	1.970.999.883
7	Lợi nhuận sau thuế	119.168.836	800.084.897	1.576.799.906

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
[02] Mã số thuế: 0108633470
[03] Địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
[04] Quận/Huyện: Quận Hoàng Mai
[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.519.769.227	1.602.459.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		17.755.500	1.602.459.500
1. Tiền	111		17.755.500	1.602.459.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + ... + 137 + 139)	130		2.449.513.727	0
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.449.513.727	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		0	0
1. Hàng tồn kho	141		0	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		52.500.000	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		52.500.000	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		0	0
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + ...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		0	0
- Nguyên giá	222		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.519.769.227	1.602.459.500
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		440.634.381	0
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		440.634.381	0
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		436.243.965	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.390.416	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	2.079.134.846	1.602.459.500	
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	2.079.134.846	1.602.459.500	
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0	
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	579.134.846	102.459.500	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	102.459.500	102.459.500	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	476.675.346	0	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0	
1. Nguồn kinh phí	431	0	0	

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.519.769.227	1.602.459.500

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

[03] Mã số thuế: 0108633470

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.016.772.727	2.752.887.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.016.772.727	2.752.887.602
4. Giá vốn hàng bán	11		4.183.724.545	2.622.353.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		833.048.182	130.533.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		33.000.000	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		204.204.000	2.459.500
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		595.844.182	128.074.375
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		595.844.182	128.074.375
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		119.168.836	25.614.875
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		476.675.346	102.459.500
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Mẫu số: B 03
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2020

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
[03] Mã số thuế: 0108633470

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.600.000.000	2.727.272.727
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.000.000.000)	(2.624.813.227)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(184.704.000)	0
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.584.704.000)	102.459.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	1.500.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	1.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.584.704.000)	1.602.459.500
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.602.459.500	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17.755.500	1.602.459.500

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

[02] Mã số thuế: 0108633470

[03] Địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Phường Định Công, Hoàng Mai

[04] Quận/Huyện: Quận

[05] Tỉnh/Thành phố:

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.640.313.479	2.519.769.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		6.549.085	17.755.500
1. Tiền	111		6.549.085	17.755.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		4.594.492.727	2.449.513.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4.594.492.727	2.449.513.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		5.730.000	0
1. Hàng tồn kho	141		5.730.000	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		33.541.667	52.500.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.541.667	52.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		0	0
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		0	0
- Nguyên giá	222		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.640.313.479	2.519.769.227
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		1.761.093.736	440.634.381
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		1.761.093.736	440.634.381
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.759.550.008	436.243.965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.543.728	4.390.416
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.879.219.743	2.079.134.846
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410		2.879.219.743	2.079.134.846
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		1.379.219.743	579.134.846
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		579.134.846	579.134.846
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		800.084.897	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4.640.313.479	2.519.769.227

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

[03] Mã số thuế: 0108633470

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.526.454.545	5.016.772.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.526.454.545	5.016.772.727
4. Giá vốn hàng bán	11		6.951.909.091	4.183.724.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.574.545.454	833.048.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		66.000.000	33.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		508.414.333	204.204.000
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		1.000.131.121	595.844.182
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		25.000	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(25.000)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.000.106.121	595.844.182
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		200.021.224	119.168.836
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		800.084.897	476.675.346
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: B 03
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

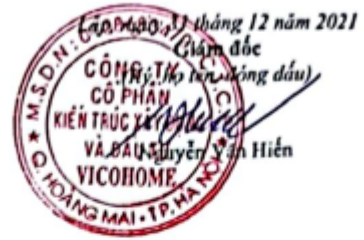
[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

[03] Mã số thuế: 0108633470

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.200.000.000	2.600.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.685.730.000)	(4.000.000.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(518.456.000)	(184.704.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.020.415)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.206.415)	(1.584.704.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.206.415)	(1.584.704.000)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.755.500	1.602.459.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.549.085	17.755.500

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
[02] Mã số thuế: 0108633470
[03] Địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Phường Định Công
[04] Quận/Huyện: Quận Hoàng Mai
[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán:
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.378.159.991	4.640.313.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		293.702.896	6.549.085
1. Tiền	111		293.702.896	6.549.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		6.056.501.730	4.594.492.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.056.501.730	4.594.492.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		5.730.000	5.730.000
1. Hàng tồn kho	141		5.730.000	5.730.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		22.225.365	33.541.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.228.589	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		18.996.776	33.541.667
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		0	0
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		0	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		0	0
- Nguyên giá	222		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		0	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.378.159.991	4.640.313.479
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		1.922.140.342	1.761.093.736
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		1.922.140.342	1.759.550.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.848.517.910	1.759.550.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		60.375.000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.543.728	1.543.728
4. Phải trả người lao động	314		11.703.704	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	4.456.019.649	2.879.219.743	
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410	4.456.019.649	2.879.219.743	
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1.500.000.000	1.500.000.000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0	
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	2.956.019.649	1.379.219.743	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.379.219.743	1.379.219.743	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.576.799.906	0	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0	
1. Nguồn kinh phí	431	0	0	

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	6.378.159.991	4.640.313.479

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

[03] Mã số thuế: 0108633470

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.158.456.545	8.526.454.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13.158.456.545	8.526.454.545
4. Giá vốn hàng bán	11		10.580.399.000	6.951.909.091
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.578.057.545	1.574.545.454
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.608	0
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		607.059.270	574.414.333
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		1.970.999.883	1.000.131.121
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	25.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	(25.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.970.999.883	1.000.106.121
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		394.199.977	200.021.224
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.576.799.906	800.084.897
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: B 03
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
[03] Mã số thuế: 0108633470

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		12.170.375.545	5.200.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.542.961.803)	(4.685.730.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(638.261.539)	(518.456.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		302.000.000	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.000.000)	(7.020.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		287.152.203	(11.206.415)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		287.152.203	(11.206.415)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.549.085	17.755.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		293.701.288	6.549.085

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

1.C.P.M.



HỢP ĐỒNG

TIÊU BIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

---***---

HỢP ĐỒNG LIÊN DANH

Số: .Q2./2020/HĐLD

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14/6/2005
- Nghị định số 83/NĐ- CP và Nghị định số 85/NĐ- CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành luật đấu thầu
- Nghị định số 12/2009/ NĐ- CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14/6/2005
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các bên.
- Khả năng, năng lực hiện có về tài chính, thiết bị, nhân lực và kinh nghiệm thi công công trình của các bên tham gia liên doanh

Hôm nay, ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại văn phòng Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome chúng tôi gồm:

I. THÀNH VIÊN THỨ NHẤT:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Hiến - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: : 0961199595
- Email : vicohome.arc@gmail.com

II. THÀNH VIÊN THỨ HAI:

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CÔNG HUY

- Địa chỉ : Số 232/5, đường Nguyễn Tất Thành, Khu phố Lương Trung, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Mã số thuế : 3401190441
- Người đại diện : Ông Nguyễn Thế Công - Chức vụ: Giám đốc

Điều 1: Mục đích liên danh.

Các bên thống nhất thành lập Liên danh để tham gia nhận thầu và thi công hàng mục: Nạo vét và thu khối lượng vật liệu công trình sông ray Xã Lộc An - Huyện Đất Đỏ và xã Phước Thuận Huyện Xuyên Mộc.

Dựa trên nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi, trách nhiệm giữa các bên và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 2: Tên và phân công trong liên danh.

2.1 Tên liên danh:

Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome và Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy.

2.2 Các thành viên liên danh: Liên danh gồm hai thành viên

1. Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
2. Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy

2.3 Đại diện liên danh:

Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome làm đại diện cho liên danh để trực tiếp giao dịch, ký kết, giải quyết mọi thủ tục liên quan đến công tác tham dự thầu, chịu trách nhiệm chính trước chủ đầu tư về công tác thực hiện dự án.

2.4 Người đại diện liên danh:

Các bên thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiến là Giám đốc Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome là người đứng đầu liên danh, người đại diện cho liên danh.

Người đại diện liên danh được ủy quyền trực tiếp quan hệ với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan ký hợp đồng dự thầu, hợp đồng kinh tế và các tài liệu liên quan đến dự án.

2.5 Con dấu của liên danh:

Các bên thống nhất sử dụng con dấu trong các văn bản của liên danh là con dấu của Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

2.6 Địa chỉ giao dịch:

- Tên công ty : Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
- Địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2.7 Thời hạn của liên danh:

Hợp đồng liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư và liên danh.

Hợp đồng liên danh sẽ tự hết hiệu lực nếu liên danh không trúng thầu hoặc không ký hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư.

Điều 3: Phân chia trách nhiệm quyền hạn giữa các thành viên trong liên danh, người đứng đầu liên danh.

3.1 Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome : 51% khối lượng

3.2 Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy: 49% khối lượng

3.3 Trên cơ sở phân khối lượng được phân chia theo tỷ lệ 51% - 49% các bên phải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai theo tiến độ của dự án và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng giao nhận được ký kết giữa chủ đầu tư và liên danh.

3.4 Trách nhiệm của của nhà thầu đứng đầu liên danh: Nhà thầu đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về mọi công việc, mọi giao dịch liên quan đến việc thực hiện gói thầu, hợp đồng kinh tế.

3.5 Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu liên danh: Chịu trách nhiệm tổ chức trong liên danh để thực hiện tiến độ của gói thầu. Trường hợp một trong những thành viên trong liên danh không đảm bảo tiến độ chất lượng, người đứng đầu liên danh có quyền báo cáo được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản sẽ điều chuyển phương tiện, thiết bị, nhân lực, tiền vốn trong liên danh để vận chuyển đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Điều 4: Nguyên tắc hoạt động của liên danh.

4.1 Trong quá trình lập hồ sơ dự thầu các bên sẽ cung cấp cho nhau các thông tin và hồ sơ cần thiết, cùng tập trung các điều kiện về năng lực sản xuất và tài chính của đơn vị mình cho liên danh với mục đích thắng thầu, hợp đồng kinh tế.

4.2 Tổ chức thực hiện dự án:

Các bên sẽ bàn bạc thống nhất thành lập Ban điều hành công trường và hoạt động theo quy chế của Ban điều hành được các bên nhất trí thông qua.

Khối lượng, giá trị thanh toán cho mỗi thành viên trong liên danh: Từng kỳ thanh toán căn cứ khối lượng và giá trị được thanh toán với Chủ đầu tư. Ban điều hành sẽ phân công, triển khai và được các đơn vị thành viên ký xác nhận để làm cơ sở thanh toán tiền cho các đơn vị thành viên.

Điều 5: Công tác tài chính kế toán.

Mỗi bên độc lập về tài chính, tự chịu trách nhiệm về chế độ tài chính của mình và tự chịu trách nhiệm về kết quả lỗ lãi trong phần việc được giao.

Điều 6: Trách nhiệm của mỗi bên trong liên danh:

6.1 Trong quá trình thi công mỗi thành viên phải tự chịu trách nhiệm riêng trong phạm vi hợp đồng của mình về mọi vấn đề liên quan đến khối lượng, tiến độ thi công, chịu trách nhiệm liên đới nhau theo tỷ lệ phân chia khối lượng đối với các vấn đề chung liên quan đến dự án.

6.2 Không một thành viên nào trong liên danh được quyền chuyển nhượng quyền lợi và trách nhiệm của mình theo hợp đồng liên danh này cho bên thứ ba nếu chưa có văn bản chấp thuận của các thành viên khác trong liên danh.

Điều 7: Tranh chấp khiếu nại.

7.1 Trường hợp có tranh chấp giữa các bên thì các bên phải cùng nhau thương lượng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác hữu nghị và tôn trọng quyền lợi chính đáng của nhau. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế TP Hà Nội.

7.2 Mọi tranh chấp, khiếu nại đều phải gửi cho các bên hữu quan bằng văn bản chính thức.

Điều 8: Các điều khoản khác:

8.1 Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của thỏa thuận liên danh này. Trong quá trình tham gia xây dựng có gì vướng mắc các bên sẽ thông báo cho nhau để cùng nhau thống nhất.

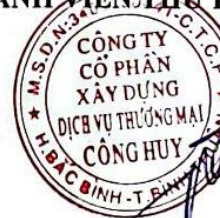
8.2 Khi triển khai dự án nếu có bổ sung thay đổi hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng liên danh và cùng nhau bàn bạc nội dung cụ thể để ký hợp đồng kinh tế.

8.3 Thỏa thuận liên danh này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện. (01 Bản gửi chủ đầu tư)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến

THÀNH VIÊN THỨ HAI



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ CÔNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

---***---

HỢP ĐỒNG LIÊN DANH

Số: 04./2021/HĐLD

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14/6/2005
- Nghị định số 83/NĐ- CP và Nghị định số 85/NĐ- CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành luật đấu thầu
- Nghị định số 12/2009/ NĐ- CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14/6/2005
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các bên.
- Khả năng, năng lực hiện có về tài chính, thiết bị, nhân lực và kinh nghiệm thi công công trình của các bên tham gia liên doanh

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại văn phòng Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome chúng tôi gồm:

I. THÀNH VIÊN THỨ NHẤT:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Hiến - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: : 0961199595
- Email : vicohome.arc@gmail.com

II. THÀNH VIÊN THỨ HAI:

- Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CÔNG HUY

- Địa chỉ : Số 232/5, đường Nguyễn Tất Thành, Khu phố Lương Trung, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Mã số thuế : 3401190441
- Người đại diện : Ông Nguyễn Thế Công - Chức vụ: Giám đốc

Điều 1: Mục đích liên danh.

Các bên thống nhất thành lập Liên danh để tham gia nhận thầu và thi công hàng mục Giao thông- thoát nước mưa và thoát nước thải gia đoạn 1 tại Xã Tân Phước, Thị xã GLa Gi, Tỉnh Bình Thuận.

Dựa trên nguyên tắc bình đẳng về quyền lợi, trách nhiệm giữa các bên và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 2: Tên và phân công trong liên danh.

2.1 Tên liên danh:

Liên danh Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome và Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy.

2.2 Các thành viên liên danh: Liên danh gồm hai thành viên

1. Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
2. Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy

2.3 Đại diện liên danh:

Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome làm đại diện cho liên danh để trực tiếp giao dịch, ký kết, giải quyết mọi thủ tục liên quan đến công tác tham dự thầu, chịu trách nhiệm chính trước chủ đầu tư về công tác thực hiện dự án.

2.4 Người đại diện liên danh:

Các bên thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Hiến là Giám đốc Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome là người đứng đầu liên danh, người đại diện cho liên danh.

Người đại diện liên danh được ủy quyền trực tiếp quan hệ với Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan ký hợp đồng dự thầu, hợp đồng kinh tế và các tài liệu liên quan đến dự án.

2.5 Con dấu của liên danh:

Các bên thống nhất sử dụng con dấu trong các văn bản của liên danh là con dấu của Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome

2.6 Địa chỉ giao dịch:

- Tên công ty : Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome
- Địa chỉ: Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2.7 Thời hạn của liên danh:

Hợp đồng liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư và liên danh.

Hợp đồng liên danh sẽ tự hết hiệu lực nếu liên danh không trúng thầu hoặc không ký hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư.

Điều 3: Phân chia trách nhiệm quyền hạn giữa các thành viên trong liên danh, người đứng đầu liên danh.

3.1 Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư Vicohome : 51% khối lượng

3.2 Công ty cổ phần xây dựng dịch vụ thương mại Công Huy: 49% khối lượng

3.3 Trên cơ sở phân khối lượng được phân chia theo tỷ lệ 51% - 49% các bên phải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai theo tiến độ của dự án và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng giao nhận được ký kết giữa chủ đầu tư và liên danh.

3.4 Trách nhiệm của của nhà thầu đứng đầu liên danh: Nhà thầu đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về mọi công việc, mọi giao dịch liên quan đến việc thực hiện gói thầu, hợp đồng kinh tế.

3.5 Trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu liên danh: Chịu trách nhiệm tổ chức trong liên danh để thực hiện tiến độ của gói thầu. Trường hợp một trong những thành viên trong liên danh không đảm bảo tiến độ chất lượng, người đứng đầu liên danh có quyền báo cáo được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản sẽ điều chuyển phương tiện, thiết bị, nhân lực, tiền vốn trong liên danh để vận chuyển đảm bảo tiến độ yêu cầu.

Điều 4: Nguyên tắc hoạt động của liên danh.

4.1 Trong quá trình lập hồ sơ dự thầu các bên sẽ cung cấp cho nhau các thông tin và hồ sơ cần thiết, cùng tập trung các điều kiện về năng lực sản xuất và tài chính của đơn vị mình cho liên danh với mục đích thắng thầu, hợp đồng kinh tế.

4.2 Tổ chức thực hiện dự án:

Các bên sẽ bàn bạc thống nhất thành lập Ban điều hành công trường và hoạt động theo quy chế của Ban điều hành được các bên nhất trí thông qua.

Khối lượng, giá trị thanh toán cho mỗi thành viên trong liên danh: Từng kỳ thanh toán căn cứ khối lượng và giá trị được thanh toán với Chủ đầu tư. Ban điều hành sẽ phân công, triển khai và được các đơn vị thành viên ký xác nhận để làm cơ sở thanh toán tiền cho các đơn vị thành viên.

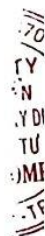
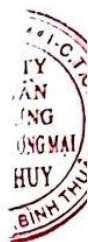
Điều 5: Công tác tài chính kế toán.

Mỗi bên độc lập về tài chính, tự chịu trách nhiệm về chế độ tài chính của mình và tự chịu trách nhiệm về kết quả lỗ lãi trong phần việc được giao.

Điều 6: Trách nhiệm của mỗi bên trong liên danh:

6.1 Trong quá trình thi công mỗi thành viên phải tự chịu trách nhiệm riêng trong phạm vi hợp đồng của mình về mọi vấn đề liên quan đến khối lượng, tiến độ thi công, chịu trách nhiệm liên đới nhau theo tỷ lệ phân chia khối lượng đối với các vấn đề chung liên quan đến dự án.

6.2 Không một thành viên nào trong liên danh được quyền chuyển nhượng quyền lợi và trách nhiệm của mình theo hợp đồng liên danh này cho bên thứ ba nếu chưa có văn bản chấp thuận của các thành viên khác trong liên danh.



Điều 7: Tranh chấp khiếu nại.

7.1 Trường hợp có tranh chấp giữa các bên thì các bên phải cùng nhau thương lượng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác hữu nghị và tôn trọng quyền lợi chính đáng của nhau. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì đưa ra tòa án kinh tế TP Hà Nội.

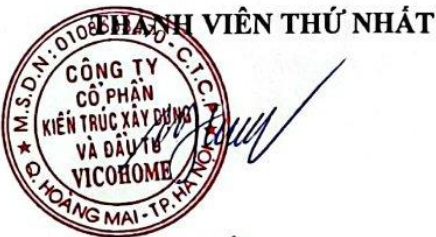
7.2 Mọi tranh chấp, khiếu nại đều phải gửi cho các bên hữu quan bằng văn bản chính thức.

Điều 8: Các điều khoản khác:

8.1 Các bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của thỏa thuận liên danh này. Trong quá trình tham gia xây dựng có gì vướng mắc các bên sẽ thông báo cho nhau để cùng nhau thống nhất.

8.2 Khi triển khai dự án nếu có bổ sung thay đổi hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng liên danh và cùng nhau bàn bạc nội dung cụ thể để ký hợp đồng kinh tế.

8.3 Thỏa thuận liên danh này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện. (01 Bản gửi chủ đầu tư)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến

THÀNH VIÊN THỨ HAI



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THẾ CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số: 1407/2022/HĐTC/HN-VCH

Hạng mục: THI CÔNG PHẦN THÔ NHÀ PHỐ 08 TẦNG 01 TUM
Địa điểm: Số nhà 196 Phố Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

GIỮA

Ông: TRẦN THANH HẢI

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
VICOHOME

Hà Nội, năm 2022



Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP quản lý chất lượng, thi công và bảo trì Công trình xây dựng;

Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Theo thỏa thuận của Các Bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 07 năm 2022, tại Số nhà 196 Phố Tây Sơn, Trung Liet, Đống Đa, Hà Nội chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

(1) BÊN GIAO THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên A**)

Đại diện là Bà : **Trần Thanh Hải** Chức vụ: Đại diện chủ đầu tư
Số CCCD : 001063004076 Năm sinh:
Tại : Cấp ngày:.....
Địa chỉ : Tổ 4, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Địa chỉ thi công : 196 Phố Tây Sơn, Trung Liet, Đống Đa, Hà Nội chúng tôi gồm các Bên dưới đây:
Điện thoại :

(2) BÊN NHẬN THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên B**)

Tên giao dịch : **CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME**
Đại diện là ông : **NGUYỄN VĂN HIẾN** Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : **0975156983**
Mã số thuế : 0108633470
Số tài khoản : 19133986551019 Tại Ngân hàng TMCP kỹ thương - Techcombank
Chủ TK : **Nguyễn Văn Hiến**

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" và gọi riêng là "**Bên**" hoặc "**Mỗi Bên**", tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với những Điều kiện và Điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc, Giá trị Hợp đồng và tiến độ

1.1. Nội dung Hợp đồng

Theo Hợp đồng này, Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Thi công hoàn thiện phần thô tại **196 Phố Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội** theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được bên A phê duyệt và hồ sơ Hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp đồng...

1.2. Hình thức và giá của Hợp đồng

1.2.1 Hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

1.2.2 Đơn giá những **Công việc tại Phụ lục số 01** là trọn gói cố định và không đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Đơn giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về nhân công, tỷ giá. Đơn giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

1.2.3 Giá trị của Hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng được xác định căn cứ vào khối lượng thực tế được hai bên nghiệm thu;
- Đơn giá là đơn giá cố định được thống nhất tại **Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng** này;

1.2.4 Nội dung Giá Hợp đồng

- Giá trị hợp đồng:

Giá trị	:	6.001.500.000	đồng
Vat 10%	:	600.150.000	đồng
Tổng giá trị HĐ	:	6.601.650.000	đồng

Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm linh một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng./.

(Chi tiết tại: Phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng)

- Giá trị Hợp đồng là giá trị trọn gói đối với toàn bộ các hạng mục công việc được hai Bên thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- Giá trị Quyết toán sẽ xác định theo khối lượng thi công thực tế Bên B bàn giao cho Bên A và được Bên A nghiệm thu ("Giá trị Quyết toán").
- Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của bên A, được hai bên: bên A và bên B thống nhất thì được tính là giá trị phát sinh (nếu có). Giá trị phát sinh được tính dựa trên cơ sở giá thực tế thị trường tại thời điểm tính toán và phải được bên A chấp thuận trước khi thực hiện.

1.3. Thời gian và tiến độ thực hiện của Hợp đồng

- 1.3.1 Ngày khởi công là ngày Bên A bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng đủ điều kiện thi công, được hai Bên xác nhận bằng Biên bản bàn giao mặt bằng.
- 1.3.2 Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng Công trình (ngay sau Ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng Công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.

- 1.3.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: **200 ngày** tính từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1 và được nhận bàn giao mặt bằng thi công xây dựng.
- 1.3.4 Thời gian thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường và ngày lễ, Tết (trừ tết nguyên đán), thứ bảy và chủ nhật, nhưng không tính các ngày chậm do phía chủ quan từ bên A như vật liệu cung cấp chậm trễ, các ngày chậm thanh toán xuất phát từ bên A và các lỗi bất khả kháng không thi công được như kiện tụng, tranh chấp, thời tiết bão, lũ, hỏa hoạn và mưa gió bão không đủ điều kiện để thi công.
- 1.3.5 Thời gian thực hiện được gia hạn khi có những lý do khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện như:
- Trường hợp bất khả kháng (có nghĩa là mọi sự kiện xảy ra vượt ngoài tầm kiểm soát của các bên đối với hợp đồng này mà không dự kiến trước được, hoặc dự kiến trước vẫn không thể tránh được, gây cản trở thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình).
 - Bên A bàn giao mặt bằng chậm hoặc chỉ định những công việc làm thêm hoặc thay đổi thiết kế phát sinh phụ lục Hợp đồng có tính đến thời gian cụ thể.

Điều 2. Thanh toán Hợp đồng và nghiệm thu

2.1 Tạm ứng Hợp đồng

- Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Bên B tập hợp máy móc, nhân lực tại công trình để thi công Bên A tạm ứng cho bên B là 600.105.000.000 đ (Sáu trăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương với 10% giá trị hợp đồng theo Phụ lục 1, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi qua các đợt thanh toán.

2.2 Thanh toán, quyết toán Hợp đồng

2.2.1 Thanh toán:

- Hình thức và điều kiện thanh toán:

Căn cứ vào khối lượng nghiệm thu theo từng giai đoạn được hai bên xác nhận, bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo đối chiếu công nợ. Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản khi nhận được các thủ tục thanh toán như sau:

- + Hóa đơn GTGT;
- + Đề nghị thanh toán;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của hai bên;
- + Đối chiếu công nợ của bên B tại thời điểm xuất hóa đơn.

Bên A thanh toán cho Bên B 98% giá trị hóa đơn sau khi đã trừ tạm ứng, tỷ lệ trừ theo đúng tỷ lệ tạm ứng, thu hồi hết khi bên B cung ứng hết 85% giá trị hợp đồng. Phần công nợ còn lại sẽ thanh toán khi bên B cung cấp cho bên A đầy đủ hồ sơ theo điều kiện thanh toán.

- (i) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày bên A nhận được công văn đề nghị thanh toán. Thời gian thanh toán chậm trễ từ việc thanh toán của bên A sẽ tự động được cộng dồn vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- (ii) Bên B sẽ bảo hành công trình trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng tương đương 2% Giá trị hợp đồng;

2.2.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.2.3 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

2.3 Nghiệm thu và bàn giao

Việc nghiệm thu Công việc được căn cứ vào kết quả được hai Bên xác nhận như sau:

- 2.3.1 Biên bản nghiệm thu toàn bộ khối lượng, phạm vi công việc thi công thực tế phù hợp với quy định của Hợp đồng;
- 2.3.2 Việc thi công được thực hiện đúng biện pháp thi công và quy trình công việc được Bên A phê duyệt;
- 2.3.3 Sau khi thi công hoàn thành toàn bộ các Công việc của Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thu hồi, tập kết và bàn giao đầy đủ vật tư, thiết bị máy móc, thiết bị hoàn trả cho Bên A.

2.4 Thanh lý Hợp đồng

- 2.4.1 Khi Bên B hoàn thành hết các Công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh lý Hợp đồng.
- 2.4.2 Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:
 - a) Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
 - b) Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của của Hợp đồng.
- 2.4.3 Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày các Bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 6 của Hợp đồng.
- 2.4.4 Chấm dứt trách nhiệm của Bên A: Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.
- 2.4.5 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam và sẽ tự động được thanh lý khi hai Bên hoàn thành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của các Bên

3.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- 3.1.1 Bàn giao mặt bằng, công việc cho Bên B để thực hiện công việc tại công trường.
- 3.1.2 Cử cán bộ kỹ thuật có mặt thường xuyên tại công trường để giám sát chất lượng, tiến độ thi công, kịp thời nghiệm thu công việc hoàn thành cho Bên B và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công **thuộc trách nhiệm Bên A**.
- 3.1.3 Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng.
- 3.1.4 Cung cấp và/hoặc thống nhất với Bên B về mẫu biểu hồ sơ thanh toán.
- 3.1.5 Cung cấp đầy đủ điện nước đến chân công trình.
- 3.1.6 Trong trường hợp bên A tự ý chấm dứt hợp đồng phải thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị đã thực hiện.
- 3.1.7 Bên A có quyền giới thiệu, phê duyệt các Nhà thầu phụ nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, vật tư, sản phẩm sử dụng cho các công tác thi công của Bên B trong trường hợp bên B bị chậm tiến độ.

3.1.8 Điều chỉnh phạm vi công việc của Bên B để đảm bảo tiến độ, chất lượng của Công trình nếu thấy Bên B có dấu hiệu thi công chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng sau khi kỹ thuật Bên A nhắc nhở bằng văn bản.

3.1.9 Tạm ngưng thực hiện gói thầu và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

3.2.1 Thực hiện công việc đảm bảo đúng theo thiết kế, chất lượng tuân thủ đúng quy trình quy phạm hiện hành, các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật của của bên A theo tiến độ trong hợp đồng.

3.2.2 Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

3.2.3 Hoàn thành công việc đúng tiến độ, tuân thủ quy trình, quy phạm hiện hành và các yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

3.2.4 Vật tư, thiết bị:

- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng quy định trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; tài liệu yêu cầu kỹ thuật của Hợp Đồng và phải được Bên A chấp thuận.
- Vật tư, thiết bị do Bên B đưa vào công trường phải có chứng chỉ xuất xứ (đối với vật tư nhập khẩu) và phải được sự chấp nhận của Bên A.
- Vật tư, vật liệu, thiết bị chính đưa vào công trình phải đúng quy cách, tiêu chuẩn theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Bên A phê duyệt; trước khi đưa vào lắp đặt phải có sự chứng kiến của Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển và bảo quản những vật tư, thiết bị, phụ kiện sử dụng trong công trường, đồng thời phải báo cáo cho Bên A hàng tuần về kế hoạch thi công xây dựng.
- Những vật tư sử dụng trong công trường không bảo đảm về chất lượng và chủng loại buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay hoặc ngay khi Bên A yêu cầu.
- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình được ưu tiên sử dụng đúng tiêu chí qui định trong biểu giá của Hợp đồng, nếu trong biểu giá không qui định sẽ thực hiện theo các hồ sơ khác liên quan (Bên B trình bằng văn bản để Bên A chấp thuận trước khi thực hiện).

3.2.5 Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đối với công trình đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.

3.2.6 Bên B có trách nhiệm hỗ trợ về công việc tư vấn về hồ sơ, thủ tục xin cấp phép phòng cháy chữa cháy cùng với bên A.

3.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 4. Bảo hành công trình

- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 12 tháng tương ứng với giá trị 2% giá trị Hợp đồng kể từ ngày các Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao, hoặc đến khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ bảo hành phát sinh (nếu có) khi hết hạn bảo hành, tùy thời điểm nào đến sau, và có văn bản xác nhận của Bên A.

Điều 5: Xử lý khi có tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện hợp đồng thì sự việc sẽ đưa ra tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là cơ sở pháp lý buộc hai bên phải tuân theo.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lũ, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và tiến hành thực hiện các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Bên B phải thông báo ngay cho bên A về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Nội dung & điều kiện chỉnh hợp đồng nếu có

Mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải thể hiện bằng văn bản và phải được người có thẩm quyền của hai bên ký. Các văn bản này xem như phần không thể tách rời của hợp đồng.

Nếu trong quá trình thi công mà giá cả vật tư thị trường có biến động, có sự hướng dẫn của nhà nước thì bên B được điều chỉnh theo chế độ đó.

Điều 9: Điều khoản chung

Hai bên cùng cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng; bên nào không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tới 10% giá trị hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện khó khăn, vướng mắc gì thay đổi thì hai bên phải kịp thời cùng bàn bạc giải quyết, không được đơn phương hủy bỏ hoặc tự ý sửa đổi hợp đồng (mọi thay đổi đơn phương đều không có giá trị).

Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường kinh tế cho bên kia theo luật định của nhà nước.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

HAI
TRẦN THANH HẢI

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiến

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng số:14.07/2022/HĐTC/HN-VCH)

Công trình: Nhà ở riêng lẻ - Số nhà 196 Phố Tây Sơn, Trung Liet, Đống Đa, Hà Nội

Hạng mục: Thi công xây dựng phần thô

Đơn vị tính: VN đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
I. PHẦN BIỆN ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC					482.855.000	
1	Che chắn công trình	m2	450	90.000	40.500.000	
2	Chống vắng	điểm	7	2.500.000	17.500.000	
3	Đóng cừ	m2	245	800.000	196.000.000	
4	Đào móng theo thiết kế	m3	225,7	150.000	33.855.000	
5	Ép cọc bê tông	md	650	300.000	195.000.000	
II. PHẦN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ					3.491.700.000	
1	Thi công phần móng	M2	105,5	2.950.000	311.225.000	
2	Thi công tầng bán hầm đến cos 0.00m	M2	95,5	5.150.000	491.825.000	
3	Tầng 1: Bê tông sàn đến cos +3,33m	M2	85,5	3.900.000	333.450.000	
4	Tầng 2: Bê tông sàn đến cos +6,3m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000	
5	Tầng 3: Bê tông sàn đến cos +9,6m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000	
6	Tầng 4: Bê tông sàn đến cos +13,1m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000	
7	Tầng 5: Bê tông sàn đến cos +16,3m	M2	105,5	4.100.000	432.550.000	
8	Tầng 6: Bê tông sàn đến cos +19,5m	M2	105,5	4.100.000	432.550.000	
9	Tầng tum và nóc thang máy cos +22,3m	M2	55,5	3.500.000	194.250.000	
10	Phần bể nước, bể phốt, hồ gas	M3	20,5	3.000.000	61.500.000	
III. PHẦN CHỐNG THẤM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH, SƠN BẢ, TRẦN THẠCH CAO					2.026.945.000	
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	390	280.000	109.200.000	
2	Cán nền	m2	1160	105.000	121.800.000	
3	Chống thấm mạch ngừng	md	356	150.000	53.400.000	
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1982	185.000	366.670.000	
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	275	250.000	68.750.000	
6	Thi công sơn ngoài nhà có bả	m2	1350	125.000	168.750.000	

7	Thi công sơn trong nhà có bả	m2	1750	150.000	262.500.000
8	Thi công trần thạch cao	m2	785	275.000	215.875.000
9	Nhân công thi công điện nước	m2	750	230.000	172.500.000
10	Thi công sàn gỗ (bao gồm vật tư)	m2	750	650.000	487.500.000
Tổng cộng giá trị trước thuế:					6.001.500.000

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ và tên)

HAI
TRẦN THANH HAI

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ và tên)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến

146

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số 14.07/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-7-2022
- Căn cứ vào Thông báo ngày hiệu lực của hợp đồng ký ngày 24-7-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và nghiệm thu khối lượng thành phần

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2023, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông TRẦN THANH HẢI

Địa chỉ: 18TT4, KĐT Mỹ Minh Mễ Trì, Ph Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 0962995399.

2. NHÀ THẦU (Bên B):

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome

Đại diện là : Ông NGUYỄN VĂN HIẾN Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 14 – Chung cư Hoàn Sơn Bộ Công An – Ngõ 282 – Đường Nguyễn Huy Tưởng – P. Thanh Xuân Trung – Q. Thanh Xuân – Tp. Hà Nội

Điện thoại : 0975156983.

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận khối lượng nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. PHẦN BIỆN ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC				
1	Che chắn công trình	m2	460	90.000
2	Chống văng	điểm	6	2.500.000
3	Đóng cừ	m2	265	800.000
4	Đào móng theo thiết kế	m3	235,5	150.000
5	Ép cọc bê tông	md	650	300.000
II. PHẦN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ				
1	Thi công phần móng	M2	105,5	2.950.000



2	Thi công tầng bán hầm đến cos 0.00m	M2	95,5	5.150.00 0
3	Tầng 1: Bê tông sàn đến cos +3,33m	M2	85,5	3.900.00 0
4	Tầng 2: Bê tông sàn đến cos +6,3m	M2	105,5	3.900.00 0
5	Tầng 3: Bê tông sàn đến cos +9,6m	M2	105,5	3.900.00 0
6	Tầng 4: Bê tông sàn đến cos +13,1m	M2	105,5	3.900.00 0
7	Tầng 5: Bê tông sàn đến cos +16,3m	M2	105,5	4.100.00 0
8	Tầng 6: Bê tông sàn đến cos +19,5m	M2	105,5	4.100.00 0
9	Tầng tum và nóc thang máy cos +22,3m	M2	55,5	3.500.00 0
10	Phần bể nước, bể phốt, hồ gas	M3	20,5	3.000.00 0

III. PHẦN CHỐNG THẤM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH, SƠN BẢ, TRẦN THẠCH CAO

1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	395	280.000
2	Cán nền	m2	1125	105.000
3	Chống thấm mạch ngừng	md	375	150.000
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1982	185.000
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	385	250.000
6	Thi công sơn ngoài nhà có bả	m2	1350	125.000
7	Thi công sơn trong nhà có bả	m2	1750	150.000
8	Thi công trần thạch cao	m2	850	275.000
9	Nhân công thi công điện nước	m2	850	230.000
10	Thi công sàn gỗ (bao gồm vật tư)	m2	850	650.000

3470
 1 TY
 HÂN
 XÂY DỰ
 10 T
 80ME
 AI-TP.

Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

NGUYỄN VĂN HIẾN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

HẢI

TRẦN THANH HẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm

2023

BIÊN BẢN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

- Căn cứ Hợp đồng số 1407.2022/HĐXD196TS ký ngày 14-7-2022
- Căn cứ vào Thông báo ngày hiệu lực của hợp đồng ký ngày 24-7-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và biên bản nghiệm thu khối lượng công trình

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Hôm nay, ngày 21 tháng 07 năm 2023, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông TRẦN THANH HẢI

Địa chỉ: 18TT4, KĐT Mỹ Minh Mễ Trì, Ph Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 0962995399.

2. NHÀ THẦU (Bên B):

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome

Đại diện là : Ông NGUYỄN VĂN HIỂN Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 14 – Chung cư Hoàn Sơn Bộ Công An – Ngõ 282 – Đường Nguyễn Huy Tưởng – P. Thanh Xuân Trung – Q. Thanh Xuân – Tp. Hà Nội

Điện thoại : 0975156983.

II. CÔNG TRÌNH (DỰ ÁN)

Tên công trình: Nhà ở gia đình.

Địa điểm: 196 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội

Hạng mục bàn giao: Thi công phần thô và hoàn thiện công trình

Thời gian bàn giao: Ngày 21 tháng 07 năm 2023

III. KẾT LUẬN

- Kể từ ngày 21 tháng 07 năm 2023 nhà thầu thi công Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome chính thức bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo Hợp đồng số 1407.2022/HĐXD196TS ký ngày 14-7-2022 (khoản 14.2: Bảo hành theo điều 14: Bảo



hiểm và bảo hành) thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhà thầu thi công bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng, thời gian hết hạn bảo hành của nhà thầu sẽ là ngày 21...tháng 07 năm 2024.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình trong thời gian bảo hành công trình.

Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



NGUYỄN VĂN HIẾN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

HAI

TRẦN THANH HẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số 114.07/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-7-2022
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình ký ngày 21-7-2023

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2023, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông TRẦN THANH HẢI

Địa chỉ: 18TT4, KĐT Mỹ Minh Mễ Trì, Ph Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 0962995399.

2. NHÀ THẦU (Bên B):

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome

Đại diện là : Ông NGUYỄN VĂN HIẾN Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 14 – Chung cư Hoàn Sơn Bộ Công An – Ngõ 282 – Đường Nguyễn Huy
Trưởng – P. Thanh Xuân Trung – Q. Thanh Xuân – Tp. Hà Nội

Điện thoại : 0975156983.

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận Giá trị nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
I. PHÂN BIỆT ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC					498.725.000
1	Che chắn công trình	m2	460	90.000	41.400.000
2	Chống văng	điểm	6	2.500.000	15.000.000
3	Đóng cừ	m2	265	800.000	212.000.000
4	Đào móng theo thiết kế	m3	235,5	150.000	35.325.000
5	Ép cọc bê tông	md	650	300.000	195.000.000
II. PHÂN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ					3.491.700.000
1	Thi công phần móng	M2	105,5	2.950.000	311.225.000
2	Thi công tầng bán hầm đến cos 0.00m	M2	95,5	5.150.000	491.825.000
3	Tầng 1: Bê tông sàn đến cos +3,33m	M2	85,5	3.900.000	333.450.000



4	Tầng 2: Bê tông sàn đến cos +6,3m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000
5	Tầng 3: Bê tông sàn đến cos +9,6m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000
6	Tầng 4: Bê tông sàn đến cos +13,1m	M2	105,5	3.900.000	411.450.000
7	Tầng 5: Bê tông sàn đến cos +16,3m	M2	105,5	4.100.000	432.550.000
8	Tầng 6: Bê tông sàn đến cos +19,5m	M2	105,5	4.100.000	432.550.000
9	Tầng tum và nóc thang máy cos +22,3m	M2	55,5	3.500.000	194.250.000
10	Phần bể nước, bể phốt, hồ gas	M3	20,5	3.000.000	61.500.000
III. PHÂN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH, SƠN BẢ, TRẦN THẠCH CAO					2.160.895.000
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	395	280.000	110.600.000
2	Cán nền	m2	1125	105.000	118.125.000
3	Chống thấm mạch ngừng	md	375	150.000	56.250.000
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1982	185.000	366.670.000
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	385	250.000	96.250.000
6	Thi công sơn ngoài nhà có bả	m2	1350	125.000	168.750.000
7	Thi công sơn trong nhà có bả	m2	1750	150.000	262.500.000
8	Thi công trần thạch cao	m2	850	275.000	233.750.000
9	Nhân công thi công điện nước	m2	850	230.000	195.500.000
10	Thi công sàn gỗ (bao gồm vật tư)	m2	850	650.000	552.500.000
Tổng cộng giá trị trước thuế:					6.151.320.000

Biên bản Quyết toán giá trị công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

HAI
TRẦN THANH HAI



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số: 10-03./2022/HĐTC/TD-VCH

**Hạng mục: THI CÔNG PHẦN THÔ NHÀ PHỐ KẾT HỢP KINH
DOANH**

**Địa điểm: Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà
Nội**

GIỮA

Ông: ĐÀO TUẤN DUY

VÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
VICOHOME**

10

Hà Nội, năm 2022

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP quản lý chất lượng, thi công và bảo trì Công trình xây dựng;

Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Theo thỏa thuận của Các Bên.

Hôm nay, ngày .. tháng .. năm 2022, tại Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

(1) BÊN GIAO THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên A**)

Đại diện là Bà : **Đào Tuấn Duy** Chức vụ: Đại diện chủ đầu tư
Số CCCD : Năm sinh: 05/08/1985
Tại : Cấp ngày:
Địa chỉ TT : 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại :

(2) BÊN NHẬN THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên B**)

Tên giao dịch : **CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME**
Đại diện là ông : **NGUYỄN VĂN HIẾN** Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : **0975156983**
Số tài khoản : **19034274521018** Tại Ngân hàng TMCP kỹ thương - Techcombank
Chủ TK : **Nguyễn Văn Hiến**

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**” hoặc “**Mỗi Bên**”, tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với những Điều kiện và Điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc, Giá trị Hợp đồng và tiến độ

1.1. Nội dung Hợp đồng

Theo Hợp đồng này, Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Thi công hoàn thiện phần thô tại **145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội** theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được bên A phê duyệt và hồ sơ Hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thoả thuận khác trong Hợp đồng...

1.2. Hình thức và giá của Hợp đồng

1.2.1 Hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

1.2.2 Đơn giá những *Công việc tại Phụ lục số 01, phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng* là trọn gói cố định và không đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Đơn giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về nhân công, tỷ giá. Đơn giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

1.2.3 Giá trị của Hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng được xác định căn cứ vào khối lượng thực tế được hai bên nghiệm thu;
- Đơn giá là đơn giá cố định được thống nhất tại *Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng* này;

1.2.4 Nội dung Giá Hợp đồng

- Giá trị hợp đồng:

Giá trị	:	11.721.250.500	đồng
+ <i>Phần thô</i>	:	<i>9.675.675.000</i>	<i>đồng</i>
+ <i>Phần điện nước thô</i>	:	<i>2.045.575.500</i>	<i>đồng</i>
Vat 10%	:	1.172.125.050	đồng
Tổng giá trị HĐ	:	12.893.375.550	đồng

Bằng chữ: Mười hai tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng./.

(Chi tiết tại: Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng)

- Giá trị Hợp đồng là giá trị trọn gói đối với toàn bộ các hạng mục công việc được hai Bên thoả thuận tại Hợp đồng này;
- Giá trị Quyết toán sẽ xác định theo khối lượng thi công thực tế Bên B bàn giao cho Bên A và được Bên A nghiệm thu (“Giá trị Quyết toán”).
- Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của bên A, được hai bên: bên A và bên B thống nhất thì được tính là giá trị phát sinh (nếu có). Giá trị phát sinh được tính dựa trên cơ sở giá thực tế thị trường tại thời điểm tính toán và phải được bên A chấp thuận trước khi thực hiện.

1.3. Thời gian và tiến độ thực hiện của Hợp đồng

1.3.1 Ngày khởi công là ngày Bên A bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng đủ điều kiện thi công, được hai Bên xác nhận bằng Biên bản bàn giao mặt bằng.

- 1.3.2 Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng Công trình (ngay sau Ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng Công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.
- 1.3.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: **270 ngày (phần xây thô), 30 ngày (phần điện, cấp thoát nước)** tính từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1 và được nhận bàn giao mặt bằng thi công xây dựng.
- 1.3.4 Thời gian thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường và ngày lễ, Tết (trừ tết nguyên đán), thứ bảy và chủ nhật, nhưng không tính các ngày chậm do phía chủ quan từ bên A như vật liệu cung cấp chậm trễ, các ngày chậm thanh toán xuất phát từ bên A và các lỗi bất khả kháng không thi công được như kiện tụng, tranh chấp, thời tiết bão, lũ, hỏa hoạn và mưa gió bão không đủ điều kiện để thi công.
- 1.3.5 Thời gian thực hiện được gia hạn khi có những lý do khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện như:
- Trường hợp bất khả kháng (có nghĩa là mọi sự kiện xảy ra vượt ngoài tầm kiểm soát của các bên đối với hợp đồng này mà không dự kiến trước được, hoặc dự kiến trước vẫn không thể tránh được, gây cản trở thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình).
 - Bên A bàn giao mặt bằng chậm hoặc chỉ định những công việc làm thêm hoặc thay đổi thiết kế phát sinh phụ lục Hợp đồng có tính đến thời gian cụ thể.

Điều 2. Thanh toán Hợp đồng và nghiệm thu

2.1 Tạm ứng Hợp đồng

- Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Bên B tập hợp máy móc, nhân lực tại công trình để thi công Bên A tạm ứng cho bên B là 3.868.000.000 đ (Ba tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu đồng) tương đương với 30% giá trị hợp đồng theo Phụ lục 1, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi qua các đợt thanh toán.

2.2 Thanh toán, quyết toán Hợp đồng

2.2.1 Thanh toán:

- Hình thức và điều kiện thanh toán:

Căn cứ vào khối lượng nghiệm thu theo từng giai đoạn được hai bên xác nhận, bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo đối chiếu công nợ. Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản khi nhận được các thủ tục thanh toán như sau:

- + Hóa đơn GTGT;
- + Đề nghị thanh toán;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của hai bên;
- + Đối chiếu công nợ của bên B tại thời điểm xuất hóa đơn.

Bên A thanh toán cho Bên B 98% giá trị hóa đơn sau khi đã trừ tạm ứng, tỷ lệ trừ theo đúng tỷ lệ tạm ứng, thu hồi hết khi bên B cung ứng hết 85% giá trị hợp đồng. Phần công nợ còn lại sẽ thanh toán khi bên B cung cấp cho bên A đầy đủ hồ sơ theo điều kiện thanh toán.

- (i) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày bên A nhận được công văn đề nghị thanh toán. Thời gian thanh toán chậm trễ từ việc thanh toán của bên A sẽ tự động được cộng dồn vào thời gian thực hiện hợp đồng.

(ii) Bên B sẽ bảo hành công trình trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng tương đương 2% Giá trị hợp đồng;

2.2.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.2.3 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

2.3 Nghiệm thu và bàn giao

Việc nghiệm thu Công việc được căn cứ vào kết quả được hai Bên xác nhận như sau:

2.3.1 Biên bản nghiệm thu toàn bộ khối lượng, phạm vi công việc thi công thực tế phù hợp với quy định của Hợp đồng;

2.3.2 Việc thi công được thực hiện đúng biện pháp thi công và quy trình công việc được Bên A phê duyệt;

2.3.3 Sau khi thi công hoàn thành toàn bộ các Công việc của Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thu hồi, tập kết và bàn giao đầy đủ vật tư, thiết bị máy móc, thiết bị hoàn trả cho Bên A.

2.4 Thanh lý Hợp đồng

2.4.1 Khi Bên B hoàn thành hết các Công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh lý Hợp đồng.

2.4.2 Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

a) Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;

b) Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của của Hợp đồng.

2.4.3 Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày các Bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 6 của Hợp đồng.

2.4.4 Chấm dứt trách nhiệm của Bên A: Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

2.4.5 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam và sẽ tự động được thanh lý khi hai Bên hoàn thành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của các Bên

3.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

3.1.1 Bàn giao mặt bằng, công việc cho Bên B để thực hiện công việc tại công trường.

3.1.2 Cử cán bộ kỹ thuật có mặt thường xuyên tại công trường để giám sát chất lượng, tiến độ thi công, kịp thời nghiệm thu công việc hoàn thành cho Bên B và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công **thuộc trách nhiệm Bên A**.

3.1.3 Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng.

3.1.4 Cung cấp và/hoặc thống nhất với Bên B về mẫu biểu hồ sơ thanh toán.

3.1.5 Cung cấp đầy đủ điện nước đến chân công trình.

3.1.6 Trong trường hợp bên A tự ý chấm dứt hợp đồng phải thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị đã thực hiện.

3.1.7 Bên A có quyền giới thiệu, phê duyệt các Nhà thầu phụ nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, vật tư, sản phẩm sử dụng cho các công tác thi công của Bên B trong trường hợp bên B bị chậm tiến độ.

3.1.8 Điều chỉnh phạm vi công việc của Bên B để đảm bảo tiến độ, chất lượng của Công trình nếu thấy Bên B có dấu hiệu thi công chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng sau khi kỹ thuật Bên A nhắc nhở bằng văn bản.

3.1.9 Tạm ngưng thực hiện gói thầu và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

3.2.1 Thực hiện công việc đảm bảo đúng theo thiết kế, chất lượng tuân thủ đúng quy trình quy phạm hiện hành, các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật của của bên A theo tiến độ trong hợp đồng.

3.2.2 Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

3.2.3 Hoàn thành công việc đúng tiến độ, tuân thủ quy trình, quy phạm hiện hành và các yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

3.2.4 Vật tư, thiết bị:

- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng quy định trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; tài liệu yêu cầu kỹ thuật của Hợp Đồng và phải được Bên A chấp thuận.
- Vật tư, thiết bị do Bên B đưa vào công trường phải có chứng chỉ xuất xứ (đối với vật tư nhập khẩu) và phải được sự chấp nhận của Bên A.
- Vật tư, vật liệu, thiết bị chính đưa vào công trình phải đúng quy cách, tiêu chuẩn theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Bên A phê duyệt; trước khi đưa vào lắp đặt phải có sự chứng kiến của Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển và bảo quản những vật tư, thiết bị, phụ kiện sử dụng trong công trường, đồng thời phải báo cáo cho Bên A hàng tuần về kế hoạch thi công xây dựng.
- Những vật tư sử dụng trong công trường không bảo đảm về chất lượng và chủng loại buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay hoặc ngay khi Bên A yêu cầu.
- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình được ưu tiên sử dụng đúng tiêu chí qui định trong biểu giá của Hợp đồng, nếu trong biểu giá không qui định sẽ thực hiện theo các hồ sơ khác liên quan (Bên B trình bằng văn bản để Bên A chấp thuận trước khi thực hiện).

3.2.5 Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đối với công trình đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.

3.2.6 Bên B có trách nhiệm hỗ trợ về công việc tư vấn về hồ sơ, thủ tục xin cấp phép phòng cháy chữa cháy cùng với bên A.

3.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 4. Bảo hành công trình

- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 12 tháng tương ứng với giá trị 2% giá trị Hợp đồng kể từ ngày các Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao, hoặc đến khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ bảo hành phát sinh (nếu có) khi hết hạn bảo hành, tùy thời điểm nào đến sau, và có văn bản xác nhận của Bên A.

Điều 5: Xử lý khi có tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện hợp đồng thì sự việc sẽ đưa ra tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là cơ sở pháp lý buộc hai bên phải tuân theo.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lũ, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và tiến hành thực hiện các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Bên B phải thông báo ngay cho bên A về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Nội dung & điều kiện chỉnh hợp đồng nếu có

Mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải thể hiện bằng văn bản và phải được người có thẩm quyền của hai bên ký. Các văn bản này xem như phần không thể tách rời của hợp đồng.

Nếu trong quá trình thi công mà giá cả vật tư thị trường có biến động, có sự hướng dẫn của nhà nước thì bên B được điều chỉnh theo chế độ đó.

Điều 9: Điều khoản chung

Hai bên cùng cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng; bên nào không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tới 10% giá trị hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện khó khăn, vướng mắc gì thay đổi thì hai bên phải kịp thời cùng bàn bạc giải quyết, không được đơn phương hủy bỏ hoặc tự ý sửa đổi hợp đồng (mọi thay đổi đơn phương đều không có giá trị).

Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường kinh tế cho bên kia theo luật định của nhà nước.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Duy



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiến

PHỤ LỤC SỐ 01
(Kèm theo Hợp đồng số:10-03./2022/HĐTC/TD-VCH)


Công trình: 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Hạng mục: Thi công xây dựng phần thô

Đơn vị tính: VN đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
I. PHÂN BIỆT PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẦNG HẦM					228.600.000	
1	Thi công đóng cừ chét U200 (<i>mua cừ đóng chét tại móng công trình</i>)	kg	3150	28.000	88.200.000	
2	Thi công cừ rút (<i>cừ thuê</i>)	md	295	120.000	35.400.000	
3	Văng chống cừ	gói	1	105.000.000	105.000.000	
II. PHÂN BIỆT ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC					741.500.000	
1	Che chắn công trình	m2	1450	90.000	130.500.000	
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	3	2.500.000	7.500.000	
3	Phần đào móng, đào bề ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	950	260.000	247.000.000	
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	950	270.000	256.500.000	Dự kiến sâu 8m
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	5	20.000.000	100.000.000	
III. PHÂN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ					7.907.150.000	
1	Thi công phần móng	m2	185	3.700.000	684.500.000	
2	Phần xây thô tầng hầm (<i>không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông</i>)	m2	165	5.800.000	957.000.000	
	<i>Sàn mái hầm (cos +0.00)</i>		165			
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		1078	3.850.000	4.150.300.000	
	<i>Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)</i>		175			
	<i>Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)</i>		175			
	<i>Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)</i>		182			
	<i>Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)</i>		182			
	<i>Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)</i>		182			
	<i>Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)</i>		182			
4	Phần xây thô tầng 7,8 (<i>có đổ vách bê tông chéo thay tường xây</i>)	m2	320	4.950.000	1.584.000.000	
	<i>Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)</i>		165			
	<i>Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)</i>		155			
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang máy		97	3.800.000	368.600.000	
	<i>Sàn mái tầng tum (cos +31.460)</i>		85			
	<i>Nóc thang máy</i>		12			
6	Phần bể nước, bể phốt (<i>bể bê tông cốt thép toàn khối</i>)	m3	31	5.250.000	162.750.000	Kích thước phủ bì
	<i>Bể nước</i>		19			
	<i>Bể phốt</i>		12			

IV. PHẦN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH					798.425.000	
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	450	280.000	126.000.000	
2	Cán nền	m2	1350	105.000	141.750.000	
3	Chống thấm mạch ngừng	md	450	150.000	67.500.000	
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	2105	185.000	389.425.000	
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	295	250.000	73.750.000	
Tổng cộng giá trị trước thuế:					9.675.675.000	

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ và tên)


Đào Tuấn Duy



ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ và tên)
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Kiên

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng số: 10-03./2022/HĐTC/TD-VCH)

Công trình: Nhà ở riêng lẻ - 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I		NHÂN CÔNG				
	1	Nhân công điện nước	m2	1.872,00	235.000	439.920.000
II		VẬT TƯ ĐIỆN		0,00		
	1	Tủ điện tổng	cái	1,00	5.200.000	5.200.000
	2	Tủ điện tầng , tủ 8x10	cái	14,00	1.550.000	21.700.000
	3	Dây mạng	md	9.500,00	9.500	90.250.000
	4	MCCB 3P-200A	cái	7,00	1.350.000	9.450.000
	5	MCB 3P-50A	cái	7,00	680.000	4.760.000
	6	MCB 1P-16A	cái	60,00	135.000	8.100.000
	7	MCB 1P-20A	cái	60,00	135.000	8.100.000
	8	MCB 1P-25A	cái	60,00	135.000	8.100.000
	9	MCB 1P-32A	cái	25,00	135.000	3.375.000
	10	MCB 3P-20A	cái	48,00	495.000	23.760.000
	11	MCB 3P-32A	cái	25,00	495.000	12.375.000
	12	MCB 3P-40A	cái	25,00	495.000	12.375.000
	13	MCB 3P- 80A	cái	16,00	680.000	10.880.000
	14	MCB 2P-20A	cái	38,00	350.000	13.300.000
	15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	40,00	250.000	10.000.000
	16	CẦU CHÌ 3X2A	Cái	40,00	350.000	14.000.000
	17	Ống SP32	cây	780,00	66.000	51.480.000
	18	Ống SP25	cây	780,00	32.000	24.960.000
	19	Ống SP20	cây	1.050,00	25.000	26.250.000
	20	Mang sông SP32	cái	550,00	3.500	1.925.000
	21	Mang sông SP25	cái	950,00	2.500	2.375.000
	22	Mang sông SP20	cái	1.350,00	2.000	2.700.000
	23	Kẹp SP32	cái	850,00	3.000	2.550.000
	24	Kẹp SP25	cái	1.450,00	3.000	4.350.000
	25	Kẹp SP20	cái	1.450,00	3.000	4.350.000
	26	Hộp nối 25x25	cái	190,00	60.000	11.400.000
	27	Hộp nối 12x12	cái	332,00	30.000	9.960.000
	28	Chia 4 fi 20	cái	185,00	8.500	1.572.500
	29	Chia 4 fi 25	cái	650,00	9.500	6.175.000
	30	Chia 3 fi 25	cái	750,00	9.500	7.125.000
	31	Chia 3 fi 20	cái	1.250,00	8.500	10.625.000
	32	Ống uốn fi 25	cái	6,00	250.000	1.500.000
	33	Ống uốn fi 20	cái	6,00	250.000	1.500.000
	34	Dây cáp 4x16	m	490,00	235.000	115.150.000
	36	Dây cáp 4x35	m	185,00	395.000	73.075.000

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	37	Dây cáp 4x4	m	792,00	60.000	47.520.000
	38	Dây 1x4 đỏ	m	4.032,00	16.000	64.512.000
	39	Dây 1x4 xanh	m	4.032,00	16.000	64.512.000
	40	Dây 1x2,5 đỏ	m	3.168,00	11.500	36.432.000
	41	Dây 1x2,5 xanh	m	3.168,00	11.500	36.432.000
	42	Dây 1x1,5	m	4.032,00	9.500	38.304.000
	43	Dây 1x6	m	2.592,00	25.000	64.800.000
	44	Đế âm	cái	432,00	6.500	2.808.000
	45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	346,00	16.000	5.536.000
	46	Công tắc 2 chiều	cái	115,00	30.000	3.450.000
	47	Công tắc đôi 3 chấu	cái	218,00	50.000	10.900.000
	48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	12,00	80.000	960.000
	49	Ổ cắm đơn	cái	208,00	45.000	9.360.000
	50	Ổ cắm đôi	cái	276,00	65.000	17.940.000
	51	Mặt 1	cái	173,00	21.000	3.633.000
	52	Mặt 2	cái	216,00	21.000	4.536.000
	53	Mặt 3	cái	245,00	25.000	6.125.000
	54	Băng cách to	cây	29,00	85.000	2.465.000
	55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1.224,00	35.000	42.840.000
	56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	1.080,00	9.500	10.260.000
	57	Dây tiếp địa 1x4E	m	936,00	15.000	14.040.000
	58	Cọc tiếp địa	cái	46,00	150.000	6.900.000
	59	Vật tư phụ	gói	1,00	8.000.000	8.000.000
III		PHÂN CẤP NƯỚC		-		
	1	Ống D25	md	576	43.000	24.768.000
	2	Ống D50	md	650	85.000	55.250.000
	3	Ống D40	md	403	65.000	26.195.000
	4	Ống D32	md	763	55.000	41.965.000
	5	Ống lạnh D20	md	605	38.000	22.990.000
	6	Ống nhiệt D25	md	504	60.000	30.240.000
	7	Cút 50	cái	276	32.000	8.832.000
	8	Cút 40	cái	156	22.000	3.432.000
	9	Cút 32	cái	95	12.000	1.140.000
	10	Cút 25	cái	199	6.500	1.293.500
	11	Cút 20	cái	199	4.000	796.000
	12	Tê 32	cái	121	15.000	1.815.000
	13	Tê 25	cái	138	9.000	1.242.000
	14	Tê 20	cái	208	6.000	1.248.000
	15	Tê thu 40/25	cái	268	32.000	8.576.000
	16	Tê thu 40/32	cái	173	35.000	6.055.000
	17	Tê thu 32/25	cái	86	14.500	1.247.000
	18	Tê thu 25/20	cái	216	8.500	1.836.000
	19	Côn thu 50/40	cái	251	16.000	4.016.000
	20	Côn thu 40/32	cái	156	13.500	2.106.000
	21	Côn thu 32/25	cái	199	11.000	2.189.000
	22	Côn thu 32/20	cái	224	11.000	2.464.000

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	23	Côn thu 25/20	cái	60	9.500	570.000
	24	Rắc co D50	cái	95	125.000	11.875.000
	25	Rắc co D32	cái	78	70.000	5.460.000
	26	Rắc co D40	cái	164	80.000	13.120.000
	27	Rắc co D20	cái	113	32.000	3.616.000
	28	Măng sông D40	cái	86	13.000	1.118.000
	29	Măng sông D32	cái	216	11.500	2.484.000
	30	Măng sông D25	cái	251	9.000	2.259.000
	31	Măng sông D20	cái	156	7.500	1.170.000
	32	Nút bịt D20	cái	199	6.000	1.194.000
	33	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
IV		PHẦN THOÁT NƯỚC		0		
	1	Ống D110	md	259	95.000	24.605.000
	2	Ống D90	md	367	65.000	23.855.000
	3	Ống D60	md	648	45.000	29.160.000
	4	Ống D42	md	720	30.000	21.600.000
	5	Tê D110	cái	406	60.000	24.360.000
	6	Tê D90	cái	276	38.000	10.488.000
	7	Tê D60	cái	199	15.000	2.985.000
	8	Tê D42	cái	199	13.000	2.587.000
	9	Cút D110	cái	121	48.000	5.808.000
	10	Cút D90	cái	138	30.000	4.140.000
	11	Cút D60	cái	121	12.000	1.452.000
	12	Cút D42	cái	268	11.000	2.948.000
	13	Côn thu D110/60	cái	346	22.000	7.612.000
	14	Côn thu D90/60	cái	86	14.000	1.204.000
	15	Côn thu D90/42	cái	360	14.000	5.040.000
	16	Côn thu D60/42	cái	348	10.000	3.480.000
	17	Măng xông D110	cái	156	15.000	2.340.000
	18	Măng xông D90	cái	199	15.000	2.985.000
	19	Măng xông D60	cái	199	12.500	2.487.500
	20	Măng xông D42	cái	60	9.500	570.000
	21	Kép 15	cái	95	25.000	2.375.000
	22	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ						2.045.575.500

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Đào Tuấn Duy

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Văn Hiến
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số :10-03./2022/HĐTC/TD-VCH ký ngày 10-03-2022
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình ký ngày 25-3-2023

Hôm nay, ngày tháng 03 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông ĐÀO TUẤN DUY

Địa chỉ: Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 037.292.2263

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài khoản : 19133986551019

- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm

- Mã số thuế : 0108633470

- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Hiến - Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận Giá trị nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	PHẦN THÔ				9.943.160.000
I. PHẦN BIỆN PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẢNG HẦM					
1	Thi công đóng cừ chét U200 (mua cừ đóng chét tại móng công trình)	kg	3.105	28.000	86.940.000
2	Thi công cừ rút (cừ thuê)	md	298	120.000	35.760.000

3	Văng chống cừ	gói	1	105.000.00 0	105.000.000
---	---------------	-----	---	-----------------	-------------

II. PHẦN BIỆN ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC

1	Che chắn công trình	m2	1.540	90.000	138.600.000
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	4	2.500.000	10.000.000
3	Phần đào móng, đào bể ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	865	260.000	224.900.000
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	948	270.000	255.960.000
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	5	20.000.000	100.000.000

III. PHẦN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ

1	Thi công phần móng	m2	195	3.700.000	721.500.000
2	Phần xây thô tầng hầm (không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông)	m2	175	5.800.000	1.015.000.000
	Sàn mái hầm (cos +0.00)		175		-
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		1.082	3.850.000	4.165.700.000
	Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)		175		-
	Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)		175		-
	Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)		183		-
	Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)		183		-
	Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)		183		-
	Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)		183		-
4	Phần xây thô tầng 7,8 (có đổ vách bê tông chéo thay tường xây)	m2	335	4.950.000	1.658.250.000
	Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)		170		-
	Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)		165		-
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang		106	3.800.000	402.800.000

	máy				
	Sàn mái tầng tum (cos +31.460)		92		-
	Nóc thang máy		14		-
6	Phần bể nước, bể phốt (bể bê tông cốt thép toàn khối)	m3	31	5.250.000	162.750.000
	Bể nước		19		-
	Bể phốt		12		-
IV. PHẦN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH					
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	450	280.000	126.000.000
2	Cán nền	m2	1.550	105.000	162.750.000
3	Chống thấm mạch ngừng	md	450	150.000	67.500.000
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	2.250	185.000	416.250.000
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	350	250.000	87.500.000
B	PHẦN ĐIỆN NƯỚC				1.859.244.500
I	NHÂN CÔNG				
1	Nhân công điện nước	m2	1.920	235.000	451.200.000
II	VẬT TƯ ĐIỆN				
1	Tủ điện tổng	cái	1	5.200.000	5.200.000
2	Tủ điện tầng, tủ 8x10	cái	14	1.550.000	21.700.000
3	Dây mạng	md	1.020	9.500	9.690.000
4	MCCB 3P-200A	cái	6	1.350.000	8.100.000
5	MCB 3P-50A	cái	6	680.000	4.080.000
6	MCB 1P-16A	cái	58	135.000	7.830.000
7	MCB 1P-20A	cái	58	135.000	7.830.000
8	MCB 1P-25A	cái	58	135.000	7.830.000
9	MCB 1P-32A	cái	25	135.000	3.375.000
10	MCB 3P-20A	cái	48	495.000	23.760.000
11	MCB 3P-32A	cái	25	495.000	12.375.000

12	MCB 3P-40A	cái	25	495.000	12.375.000
13	MCB 3P- 80A	cái	16	680.000	10.880.000
14	MCB 2P-20A	cái	38	350.000	13.300.000
15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	40	250.000	10.000.000
16	CẦU CHỈ 3X2A	Cái	40	350.000	14.000.000
17	Ống SP32	cây	780	66.000	51.480.000
18	Ống SP25	cây	780	32.000	24.960.000
19	Ống SP20	cây	1.050	25.000	26.250.000
20	Mang sông SP32	cái	550	3.500	1.925.000
21	Mang sông SP25	cái	950	2.500	2.375.000
22	Mang sông SP20	cái	1.450	2.000	2.900.000
23	Kẹp SP32	cái	850	3.000	2.550.000
24	Kẹp SP25	cái	1.385	3.000	4.155.000
25	Kẹp SP20	cái	1.385	3.000	4.155.000
26	Hộp nối 25x25	cái	190	60.000	11.400.000
27	Hộp nối 12x12	cái	332	30.000	9.960.000
28	Chia 4 fi 20	cái	185	8.500	1.572.500
29	Chia 4 fi 25	cái	650	9.500	6.175.000
30	Chia 3 fi 25	cái	750	9.500	7.125.000
31	Chia 3 fi 20	cái	1.350	8.500	11.475.000
32	Ống uốn fi 25	cái	6	250.000	1.500.000
33	Ống uốn fi 20	cái	6	250.000	1.500.000
34	Dây cáp 4x16	m	520	235.000	122.200.000
35	Dây cáp 4x25	m	-	280.000	-
36	Dây cáp 4x35	m	205	395.000	80.975.000
37	Dây cáp 4x4	m	850	60.000	51.000.000
38	Dây 1x4 đỏ	m	420	16.000	6.720.000
39	Dây 1x4 xanh	m	420	16.000	6.720.000
40	Dây 1x2,5 đỏ	m	3.175	11.500	36.512.500
41	Dây 1x2,5 xanh	m	3.175	11.500	36.512.500
42	Dây 1x1,5	m	450	9.500	4.275.000
43	Dây 1x6	m	2.850	25.000	71.250.000
44	Đế âm	cái	450	6.500	2.925.000
45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	330	16.000	5.280.000

46	Công tắc 2 chiều	cái	115	30.000	3.450.000
47	Công tắc đôi 3 châu	cái	218	50.000	10.900.000
48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	12	80.000	960.000
49	Ổ cắm đơn	cái	208	45.000	9.360.000
50	Ổ cắm đôi	cái	276	65.000	17.940.000
51	Mặt 1	cái	173	21.000	3.633.000
52	Mặt 2	cái	216	21.000	4.536.000
53	Mặt 3	cái	245	25.000	6.125.000
54	Băng cách to	cây	29	85.000	2.465.000
55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1.350	35.000	47.250.000
56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	1.250	9.500	11.875.000
57	Dây tiếp địa 1x4E	m	1.000	15.000	15.000.000
58	Cọc tiếp địa	cái	46	150.000	6.900.000
59	Vật tư phụ	gói	1	8.000.000	8.000.000
III	PHẦN CẤP NƯỚC		-		-
1	Ống D25	md	576	43.000	24.768.000
2	Ống D50	md	650	85.000	55.250.000
3	Ống D40	md	403	65.000	26.195.000
4	Ống D32	md	763	55.000	41.965.000
5	Ống lạnh D20	md	605	38.000	22.990.000
6	Ống nhiệt D25	md	504	60.000	30.240.000
7	Cút 50	cái	276	32.000	8.832.000
8	Cút 40	cái	156	22.000	3.432.000
9	Cút 32	cái	95	12.000	1.140.000
10	Cút 25	cái	199	6.500	1.293.500
11	Cút 20	cái	199	4.000	796.000
12	Tê 32	cái	121	15.000	1.815.000
13	Tê 25	cái	138	9.000	1.242.000
14	Tê 20	cái	208	6.000	1.248.000
15	Tê thu 40/25	cái	268	32.000	8.576.000
16	Tê thu 40/32	cái	173	35.000	6.055.000
17	Tê thu 32/25	cái	86	14.500	1.247.000
18	Tê thu 25/20	cái	216	8.500	1.836.000
19	Côn thu 50/40	cái	251	16.000	4.016.000

20	Côn thu 40/32	cái	156	13.500	2.106.000
21	Côn thu 32/25	cái	199	11.000	2.189.000
22	Côn thu 32/20	cái	224	11.000	2.464.000
23	Côn thu 25/20	cái	60	9.500	570.000
24	Rắc co D50	cái	95	125.000	11.875.000
25	Rắc co D32	cái	78	70.000	5.460.000
26	Rắc co D40	cái	164	80.000	13.120.000
27	Rắc co D20	cái	113	32.000	3.616.000
28	Măng sông D40	cái	86	13.000	1.118.000
29	Măng sông D32	cái	216	11.500	2.484.000
30	Măng sông D25	cái	251	9.000	2.259.000
31	Măng sông D20	cái	156	7.500	1.170.000
32	Nút bịt D20	cái	199	6.000	1.194.000
33	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
IV	PHẦN THOÁT NƯỚC		-		-
1	Ống D110	md	260	95.000	24.700.000
2	Ống D90	md	385	65.000	25.025.000
3	Ống D60	md	650	45.000	29.250.000
4	Ống D42	md	770	30.000	23.100.000
5	Tê D110	cái	406	60.000	24.360.000
6	Tê D90	cái	276	38.000	10.488.000
7	Tê D60	cái	199	15.000	2.985.000
8	Tê D42	cái	199	13.000	2.587.000
9	Cút D110	cái	121	48.000	5.808.000
10	Cút D90	cái	138	30.000	4.140.000
11	Cút D60	cái	121	12.000	1.452.000
12	Cút D42	cái	268	11.000	2.948.000
13	Côn thu D110/60	cái	346	22.000	7.612.000
14	Côn thu D90/60	cái	86	14.000	1.204.000
15	Côn thu D90/42	cái	360	14.000	5.040.000
16	Côn thu D60/42	cái	348	10.000	3.480.000
17	Măng xông D110	cái	156	15.000	2.340.000
18	Măng xông D90	cái	199	15.000	2.985.000
19	Măng xông D60	cái	199	12.500	2.487.500

20	Măng xông D42	cái	60	9.500	570.000
21	Kép 15	cái	95	25.000	2.375.000
22	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (A+B)					11.802.404.500

Biên bản Quyết toán giá trị công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đào Xuân Duy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BIÊN BẢN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

- Căn cứ Hợp đồng số :10-03./2022/HĐTC/TD-VCH ký ngày 10-03-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và biên bản nghiệm thu khối lượng công trình

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Hôm nay, ngày tháng 03 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông **ĐÀO TUẤN DUY**

Địa chỉ: **Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Điện thoại : 037.292.2263

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Hiến - Chức vụ: **Giám đốc**

II. CÔNG TRÌNH (DỰ ÁN)

Tên công trình: Nhà ở gia đình.

Địa điểm: **Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Hạng mục bàn giao: Thi công phần thô và hoàn thiện công trình

Thời gian bàn giao: Ngày 25...tháng 03 năm 2023

III. KẾT LUẬN



- Kể từ ngày.....tháng 03 năm 2023 nhà thầu thi công Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome chính thức bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo Hợp đồng số 10-03./2022/HĐTC/TD-VCH ký ngày 10-3-2022 (Bảo hành theo điều 4: Bảo hiểm và bảo hành) thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhà thầu thi công bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng, thời gian hết hạn bảo hành của nhà thầu sẽ là ngày 25 tháng 03 năm 2024.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình trong thời gian bảo hành công trình.

Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đào Tuấn Duy



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số : 10-03./2022/HĐTC/TD-VCH ký ngày 10-03-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và nghiệm thu khối lượng thành phần

Hôm nay, ngày tháng 03 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông **ĐÀO TUẤN DUY**

Địa chỉ: **Số nhà 145 Phố Triệu Việt Vương, Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Điện thoại : 037.292.2263

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông **Nguyễn Văn Hiến** - Chức vụ: **Giám đốc**

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận khối lượng nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	PHẦN THÔ		
I. PHẦN BIỆN PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẦNG HẦM			
1	Thi công đóng cừ chét U200 (mua cừ đóng chét tại móng công trình)	kg	3.105

2	Thi công cừ rút (<i>cừ thuê</i>)	md	298
3	Văng chống cừ	gói	1

II. PHÂN BIỆT ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC

1	Che chắn công trình	m2	1.540
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	4
3	Phần đào móng, đào bể ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	865
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	948
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	5

III. PHÂN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ

1	Thi công phần móng	m2	195
2	Phần xây thô tầng hầm (<i>không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông</i>)	m2	175
	<i>Sàn mái hầm (cos +0.00)</i>		175
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		1.082
	<i>Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)</i>		175
	<i>Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)</i>		175
	<i>Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)</i>		183
	<i>Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)</i>		183
	<i>Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)</i>		183
	<i>Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)</i>		183

4	Phần xây thô tầng 7,8 (có đổ vách bê tông chéo thay tường xây)	m2	335
	Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)		170
	Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)		165
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang máy		106
	Sàn mái tầng tum (cos +31.460)		92
	Nóc thang máy		14
6	Phần bể nước, bể phốt (bể bê tông cốt thép toàn khối)	m3	31
	Bể nước		19
	Bể phốt		12

IV. PHẦN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH

1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	450
2	Cán nền	m2	1.550
3	Chống thấm mạch ngừng	md	450
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	2.250
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	350
B	PHẦN ĐIỆN NƯỚC		
I	NHÂN CÔNG		
1	Nhân công điện nước	m2	1.920
II	VẬT TƯ ĐIỆN		-
1	Tủ điện tổng	cái	1



2	Tủ điện tầng , tủ 8x10	cái	14
3	Dây mạng	md	1.020
4	MCCB 3P-200A	cái	6
5	MCB 3P-50A	cái	6
6	MCB 1P-16A	cái	58
7	MCB 1P-20A	cái	58
8	MCB 1P-25A	cái	58
9	MCB 1P-32A	cái	25
10	MCB 3P-20A	cái	48
11	MCB 3P-32A	cái	25
12	MCB 3P-40A	cái	25
13	MCB 3P- 80A	cái	16
14	MCB 2P-20A	cái	38
15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	40
16	CẦU CHÌ 3X2A	Cái	40
17	Ống SP32	cây	780
18	Ống SP25	cây	780
19	Ống SP20	cây	1.050
20	Mang sông SP32	cái	550
21	Mang sông SP25	cái	950
22	Mang sông SP20	cái	1.450
23	Kẹp SP32	cái	850

24	Kẹp SP25	cái	1.385
25	Kẹp SP20	cái	1.385
26	Hộp nối 25x25	cái	190
27	Hộp nối 12x12	cái	332
28	Chia 4 fi 20	cái	185
29	Chia 4 fi 25	cái	650
30	Chia 3 fi 25	cái	750
31	Chia 3 fi 20	cái	1.350
32	Ống uốn fi 25	cái	6
33	Ống uốn fi 20	cái	6
34	Dây cáp 4x16	m	520
35	Dây cáp 4x25	m	-
36	Dây cáp 4x35	m	205
37	Dây cáp 4x4	m	850
38	Dây 1x4 đỏ	m	420
39	Dây 1x4 xanh	m	420
40	Dây 1x2,5 đỏ	m	3.175
41	Dây 1x2,5 xanh	m	3.175
42	Dây 1x1,5	m	450
43	Dây 1x6	m	2.850
44	Đế âm	cái	450
45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	330

46	Công tắc 2 chiều	cái	115
47	Công tắc đôi 3 châu	cái	218
48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	12
49	Ổ cắm đơn	cái	208
50	Ổ cắm đôi	cái	276
51	Mặt 1	cái	173
52	Mặt 2	cái	216
53	Mặt 3	cái	245
54	Băng cách to	cây	29
55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1.350
56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	1.250
57	Dây tiếp địa 1x4E	m	1.000
58	Cọc tiếp địa	cái	46
59	Vật tư phụ	gói	1
III	PHẦN CẤP NƯỚC		-
1	Ống D25	md	576
2	Ống D50	md	650
3	Ống D40	md	403
4	Ống D32	md	763
5	Ống lạnh D20	md	605
6	Ống nhiệt D25	md	504
7	Cút 50	cái	276

8	Cút 40	cái	156
9	Cút 32	cái	95
10	Cút 25	cái	199
11	Cút 20	cái	199
12	Tê 32	cái	121
13	Tê 25	cái	138
14	Tê 20	cái	208
15	Tê thu 40/25	cái	268
16	Tê thu 40/32	cái	173
17	Tê thu 32/25	cái	86
18	Tê thu 25/20	cái	216
19	Côn thu 50/40	cái	251
20	Côn thu 40/32	cái	156
21	Côn thu 32/25	cái	199
22	Côn thu 32/20	cái	224
23	Côn thu 25/20	cái	60
24	Rắc co D50	cái	95
25	Rắc co D32	cái	78
26	Rắc co D40	cái	164
27	Rắc co D20	cái	113
28	Măng sông D40	cái	86
29	Măng sông D32	cái	216

30	Măng sông D25	cái	251
31	Măng sông D20	cái	156
32	Nút bịt D20	cái	199
33	Vật tư phụ	gói	1
IV	PHẦN THOÁT NƯỚC		-
1	Ống D110	md	260
2	Ống D90	md	385
3	Ống D60	md	650
4	Ống D42	md	770
5	Tê D110	cái	406
6	Tê D90	cái	276
7	Tê D60	cái	199
8	Tê D42	cái	199
9	Cút D110	cái	121
10	Cút D90	cái	138
11	Cút D60	cái	121
12	Cút D42	cái	268
13	Côn thu D110/60	cái	346
14	Côn thu D90/60	cái	86
15	Côn thu D90/42	cái	360
16	Côn thu D60/42	cái	348
17	Măng xông D110	cái	156

18	Măng xông D90	cái	199
19	Măng xông D60	cái	199
20	Măng xông D42	cái	60
21	Kép 15	cái	95
22	Vật tư phụ	gói	1

Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đào Xuân Duy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến



5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số: 14.10/2022/HĐTC/HN-VCH

Hạng mục: THI CÔNG PHẦN THÔ NHÀ PHỐ 08 TẦNG 01 TUM
Địa điểm: Số nhà 197,199 – Đ. Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp. Hà Nội

GIỮA
Ông: NGÔ HOÀI NAM
VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
VICOHOME

10

Hà Nội, năm 2022



Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP quản lý chất lượng, thi công và bảo trì Công trình xây dựng;

Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Theo thỏa thuận của Các Bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại Số nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

(1) BÊN GIAO THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên A**)

Đại diện là Bà : **Ngô Hoài Nam** Chức vụ: Đại diện chủ đầu tư
Số CCCD : 001 071 006 402 Năm sinh: 05/08/1971
Tại : Cấp ngày: 03/11/2015
Địa chỉ TT : Số nhà 01 Ngách 11/18 Tô Ngọc Vân- P. Quảng An- Q. Tây Hồ- TP. Hà Nội
Địa chỉ thi công : **Số nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội**
Điện thoại :

(2) BÊN NHẬN THẦU: (sau đây gọi tắt là **Bên B**)

Tên giao dịch : **CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME**
Đại diện là ông : **NGUYỄN VĂN HIẾN** Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : **0975156983**
Mã số thuế : 0108633470
Số tài khoản : 19133986551019 Tại Ngân hàng TMCP kỹ thương - Techcombank
Chủ TK : **Nguyễn Văn Hiến**

Bên A và Bên B, sau đây được gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**” hoặc “**Mỗi Bên**”, tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp đồng với những Điều kiện và Điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc, Giá trị Hợp đồng và tiến độ

1.1. Nội dung Hợp đồng

Theo Hợp đồng này, Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Thi công hoàn thiện phần thô tại **Số nhà 197,199 – Đ. Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội** theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được bên A phê duyệt và hồ sơ Hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong Hợp đồng...

1.2. Hình thức và giá của Hợp đồng

1.2.1 Hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

1.2.2 Đơn giá những **Công việc tại Phụ lục số 01, phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng** là trọn gói cố định và không đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Đơn giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về nhân công, tỷ giá. Đơn giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng.

1.2.3 Giá trị của Hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng được xác định căn cứ vào khối lượng thực tế được hai bên nghiệm thu;
- Đơn giá là đơn giá cố định được thống nhất tại **Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng** này;

1.2.4 Nội dung Giá Hợp đồng

- Giá trị hợp đồng:

Giá trị	:	10.137.493.000	đồng
+ Phần thô	:	8.490.530.000	đồng
+ Phần điện nước thô	:	1.646.963.000	đồng
Vat 10%	:	1.013.749.300	đồng
Tổng giá trị HĐ	:	11.151.242.300	đồng

Bằng chữ: Mười một tỷ, Một trăm năm một triệu, hai trăm trăm bốn nghìn, ba trăm đồng./.

(Chi tiết tại: Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng)

- Giá trị Hợp đồng là giá trị trọn gói đối với toàn bộ các hạng mục công việc được hai Bên thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- Giá trị Quyết toán sẽ xác định theo khối lượng thi công thực tế Bên B bàn giao cho Bên A và được Bên A nghiệm thu (“Giá trị Quyết toán”).
- Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của bên A, được hai bên: bên A và bên B thống nhất thì được tính là giá trị phát sinh (nếu có). Giá trị phát sinh được tính dựa trên cơ sở giá thực tế thị trường tại thời điểm tính toán và phải được bên A chấp thuận trước khi thực hiện.

1.3. Thời gian và tiến độ thực hiện của Hợp đồng

1.3.1 Ngày khởi công là ngày Bên A bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng đủ điều kiện thi công, được hai Bên xác nhận bằng Biên bản bàn giao mặt bằng.

- 1.3.2 Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng Công trình (ngay sau Ngày khởi công) và sẽ thực hiện thi công xây dựng Công trình đúng thời gian thực hiện Hợp đồng mà không được chậm trễ.
- 1.3.3 Thời gian thực hiện Hợp đồng: **240 ngày** (phần xây thô), **30 ngày** (phần điện, cấp thoát nước) tính từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng đợt 1 và được nhận bàn giao mặt bằng thi công xây dựng.
- 1.3.4 Thời gian thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường và ngày lễ, Tết (trừ tết nguyên đán), thứ bảy và chủ nhật, nhưng không tính các ngày chậm do phía chủ quan từ bên A như vật liệu cung cấp chậm trễ, các ngày chậm thanh toán xuất phát từ bên A và các lỗi bất khả kháng không thi công được như kiện tụng, tranh chấp, thời tiết bão, lũ, hỏa hoạn và mưa gió bão không đủ điều kiện để thi công.
- 1.3.5 Thời gian thực hiện được gia hạn khi có những lý do khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện như:
- Trường hợp bất khả kháng (có nghĩa là mọi sự kiện xảy ra vượt ngoài tầm kiểm soát của các bên đối với hợp đồng này mà không dự kiến trước được, hoặc dự kiến trước vẫn không thể tránh được, gây cản trở thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình).
 - Bên A bàn giao mặt bằng chậm hoặc chỉ định những công việc làm thêm hoặc thay đổi thiết kế phát sinh phụ lục Hợp đồng có tính đến thời gian cụ thể.

Điều 2. Thanh toán Hợp đồng và nghiệm thu

2.1 Tạm ứng Hợp đồng

- Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, Bên B tập hợp máy móc, nhân lực tại công trình để thi công Bên A tạm ứng cho bên B là 2.230.000.000 đ (Hai tỷ, hai trăm ba mươi triệu đồng) tương đương với 20% giá trị hợp đồng theo Phụ lục 1, Phụ lục số 02 kèm theo Hợp đồng. Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi qua các đợt thanh toán.

2.2 Thanh toán, quyết toán Hợp đồng

2.2.1 Thanh toán:

- Hình thức và điều kiện thanh toán:

Căn cứ vào khối lượng nghiệm thu theo từng giai đoạn được hai bên xác nhận, bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo đối chiếu công nợ. Bên A sẽ thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản khi nhận được các thủ tục thanh toán như sau:

- + Hóa đơn GTGT;
- + Đề nghị thanh toán;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của hai bên;
- + Đối chiếu công nợ của bên B tại thời điểm xuất hóa đơn.

Bên A thanh toán cho Bên B 98% giá trị hóa đơn sau khi đã trừ tạm ứng, tỷ lệ trừ theo đúng tỷ lệ tạm ứng, thu hồi hết khi bên B cung ứng hết 85% giá trị hợp đồng. Phần công nợ còn lại sẽ thanh toán khi bên B cung cấp cho bên A đầy đủ hồ sơ theo điều kiện thanh toán.

- (i) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày bên A nhận được công văn đề nghị thanh toán. Thời gian thanh toán chậm trễ từ việc thanh toán của bên A sẽ tự động được cộng dồn vào thời gian thực hiện hợp đồng.

- (ii) Bên B sẽ bảo hành công trình trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng tương đương 2% Giá trị hợp đồng;

2.2.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.2.3 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

2.3 Nghiệm thu và bàn giao

Việc nghiệm thu Công việc được căn cứ vào kết quả được hai Bên xác nhận như sau:

- 2.3.1 Biên bản nghiệm thu toàn bộ khối lượng, phạm vi công việc thi công thực tế phù hợp với quy định của Hợp đồng;
- 2.3.2 Việc thi công được thực hiện đúng biện pháp thi công và quy trình công việc được Bên A phê duyệt;
- 2.3.3 Sau khi thi công hoàn thành toàn bộ các Công việc của Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thu hồi, tập kết và bàn giao đầy đủ vật tư, thiết bị máy móc, thiết bị hoàn trả cho Bên A.

2.4 Thanh lý Hợp đồng

- 2.4.1 Khi Bên B hoàn thành hết các Công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm phối hợp thực hiện thanh lý Hợp đồng.
- 2.4.2 Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:
- Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
 - Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Hợp đồng.
- 2.4.3 Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày các Bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt theo Điều 6 của Hợp đồng.
- 2.4.4 Chấm dứt trách nhiệm của Bên A: Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.
- 2.4.5 Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam và sẽ tự động được thanh lý khi hai Bên hoàn thành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm của các Bên

3.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- 3.1.1 Bàn giao mặt bằng, công việc cho Bên B để thực hiện công việc tại công trường.
- 3.1.2 Cử cán bộ kỹ thuật có mặt thường xuyên tại công trường để giám sát chất lượng, tiến độ thi công, kịp thời nghiệm thu công việc hoàn thành cho Bên B và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công **thuộc trách nhiệm Bên A**.
- 3.1.3 Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng.
- 3.1.4 Cung cấp và/hoặc thống nhất với Bên B về mẫu biểu hồ sơ thanh toán.
- 3.1.5 Cung cấp đầy đủ điện nước đến chân công trình.

3.1.6 Trong trường hợp bên A tự ý chấm dứt hợp đồng phải thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị đã thực hiện.

3.1.7 Bên A có quyền giới thiệu, phê duyệt các Nhà thầu phụ nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, vật tư, sản phẩm sử dụng cho các công tác thi công của Bên B trong trường hợp bên B bị chậm tiến độ.

3.1.8 Điều chỉnh phạm vi công việc của Bên B để đảm bảo tiến độ, chất lượng của Công trình nếu thấy Bên B có dấu hiệu thi công chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng sau khi kỹ thuật Bên A nhắc nhở bằng văn bản.

3.1.9 Tạm ngưng thực hiện gói thầu và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên B vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

3.2.1 Thực hiện công việc đảm bảo đúng theo thiết kế, chất lượng tuân thủ đúng quy trình quy phạm hiện hành, các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật của của bên A theo tiến độ trong hợp đồng.

3.2.2 Thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

3.2.3 Hoàn thành công việc đúng tiến độ, tuân thủ quy trình, quy phạm hiện hành và các yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

3.2.4 Vật tư, thiết bị:

- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng quy định trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công; tài liệu yêu cầu kỹ thuật của Hợp Đồng và phải được Bên A chấp thuận.
- Vật tư, thiết bị do Bên B đưa vào công trường phải có chứng chỉ xuất xứ (đối với vật tư nhập khẩu) và phải được sự chấp nhận của Bên A.
- Vật tư, vật liệu, thiết bị chính đưa vào công trình phải đúng quy cách, tiêu chuẩn theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Bên A phê duyệt; trước khi đưa vào lắp đặt phải có sự chứng kiến của Bên A.
- Bên B chịu trách nhiệm vận chuyển và bảo quản những vật tư, thiết bị, phụ kiện sử dụng trong công trường, đồng thời phải báo cáo cho Bên A hàng tuần về kế hoạch thi công xây dựng.
- Những vật tư sử dụng trong công trường không bảo đảm về chất lượng và chủng loại buộc phải di chuyển khỏi công trường ngay hoặc ngay khi Bên A yêu cầu.
- Vật tư, thiết bị đưa vào công trình được ưu tiên sử dụng đúng tiêu chí qui định trong biểu giá của Hợp đồng, nếu trong biểu giá không qui định sẽ thực hiện theo các hồ sơ khác liên quan (Bên B trình bằng văn bản để Bên A chấp thuận trước khi thực hiện).

3.2.5 Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đối với công trình đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.

3.2.6 Bên B có trách nhiệm hỗ trợ về công việc tư vấn về hồ sơ, thủ tục xin cấp phép phòng cháy chữa cháy cùng với bên A.

3.2.7 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 4. Bảo hành công trình

- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 12 tháng tương ứng với giá trị 2% giá trị Hợp đồng kể từ ngày các Bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao, hoặc đến khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ bảo hành phát sinh (nếu có) khi hết hạn bảo hành, tùy thời điểm nào đến sau, và có văn bản xác nhận của Bên A.

Điều 5: Xử lý khi có tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện hợp đồng thì sự việc sẽ đưa ra tòa án kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết. Phán quyết của tòa án là cơ sở pháp lý buộc hai bên phải tuân theo.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão lũ, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và tiến hành thực hiện các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Bên B phải thông báo ngay cho bên A về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 8: Nội dung & điều kiện chỉnh hợp đồng nếu có

Mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải thể hiện bằng văn bản và phải được người có thẩm quyền của hai bên ký. Các văn bản này xem như phần không thể tách rời của hợp đồng.

Nếu trong quá trình thi công mà giá cả vật tư thị trường có biến động, có sự hướng dẫn của nhà nước thì bên B được điều chỉnh theo chế độ đó.

Điều 9: Điều khoản chung

Hai bên cùng cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng; bên nào không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt tới 10% giá trị hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện khó khăn, vướng mắc gì thay đổi thì hai bên phải kịp thời cùng bàn bạc giải quyết, không được đơn phương hủy bỏ hoặc tự ý sửa đổi hợp đồng (mọi thay đổi đơn phương đều không có giá trị).

Nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm bồi thường kinh tế cho bên kia theo luật định của nhà nước.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Ngô Hoài Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiến

PHỤ LỤC SỐ 01
(Kèm theo Hợp đồng số:14.10/2022/HĐTC/HN-VCH)

Công trình: Nhà ở riêng lẻ - Số nhà 197-199 - Phố Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - Tp.Hà Nội
Hạng mục: Thi công xây dựng phần thô

Đơn vị tính: VN đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)	(7)
I. PHÂN BIỆT PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẦNG HẦM					659.160.000	
1	Thi công đóng cừ chết U200 (<i>mua cừ đóng chết tại móng công trình</i>)	kg	21300	26.000	553.800.000	
2	Thi công cừ rút (<i>cừ thuê</i>)	md	276	110.000	30.360.000	
3	Văng chống cừ	gói	1	75.000.000	75.000.000	
II. PHÂN BIỆT ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC					539.900.000	
1	Che chắn công trình	m2	1230	90.000	110.700.000	
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	2	2.500.000	5.000.000	
3	Phần đào móng, đào bể ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	590	260.000	153.400.000	
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	720	265.000	190.800.000	Dự kiến sâu 8m
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	4	20.000.000	80.000.000	
III. PHÂN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ					6.571.650.000	
1	Thi công phần móng	m2	151	3.700.000	558.700.000	
2	Phần xây thô tầng hầm (<i>không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông</i>)	m2	132	5.800.000	765.600.000	
	<i>Sàn mái hầm (cos +0.00)</i>		132			
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		964	3.750.000	3.615.000.000	
	<i>Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)</i>		155			
	<i>Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)</i>		155			
	<i>Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)</i>		162			
	<i>Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)</i>		162			
	<i>Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)</i>		162			
	<i>Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)</i>		168			
4	Phần xây thô tầng 7,8 (<i>có đổ vách bê tông chéo thay tường xây</i>)	m2	255	4.950.000	1.262.250.000	
	<i>Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)</i>		137			
	<i>Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)</i>		118			
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang máy		67	3.800.000	254.600.000	
	<i>Sàn mái tầng tum (cos +31.460)</i>		60			
	<i>Nóc thang máy</i>		7			
6	Phần bể nước, bể phốt (<i>bể bê tông cốt thép toàn khối</i>)	m3	22	5.250.000	115.500.000	Kích thước phủ bì
	<i>Bể nước</i>		15			
	<i>Bể phốt</i>		7			

IV. PHÂN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH						719.820.000
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	390	280.000		109.200.000
2	Cán nền	m2	1160	105.000		121.800.000
3	Chống thấm mạch ngừng	md	356	150.000		53.400.000
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1982	185.000		366.670.000
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	275	250.000		68.750.000
Tổng cộng giá trị trước thuế:						8.490.530.000

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ và tên)

[Handwritten signature]
Nguyễn Hữu Lan



ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Hợp đồng số:14.10/2022/HĐTC/HN-VCH)

Công trình: Nhà ở riêng lẻ - Số nhà 197-199 - Phố Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - Tp.Hà Nội

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I		NHÂN CÔNG				
	1	Nhân công điện nước	m2	1.560,00	230.000	358.800.000
II		VẬT TƯ ĐIỆN		0,00		
	1	Tủ điện tổng	cái	1,00	5.200.000	5.200.000
	2	Tủ điện tầng , tủ 8x10	cái	11,00	1.550.000	17.050.000
	3	Dây mạng	md	5.040,00	9.500	47.880.000
	4	MCCB 3P-200A	cái	5,00	1.350.000	6.750.000
	5	MCB 3P-50A	cái	5,00	680.000	3.400.000
	6	MCB 1P-16A	cái	48,00	135.000	6.480.000
	7	MCB 1P-20A	cái	48,00	135.000	6.480.000
	8	MCB 1P-25A	cái	48,00	135.000	6.480.000
	9	MCB 1P-32A	cái	19,00	135.000	2.565.000
	10	MCB 3P-20A	cái	38,00	495.000	18.810.000
	11	MCB 3P-32A	cái	19,00	495.000	9.405.000
	12	MCB 3P-40A	cái	19,00	495.000	9.405.000
	13	MCB 3P- 80A	cái	12,00	680.000	8.160.000
	14	MCB 2P-20A	cái	30,00	350.000	10.500.000
	15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	32,00	250.000	8.000.000
	16	CẦU CHỈ 3X2A	Cái	32,00	350.000	11.200.000
	17	Ống SP32	cây	540,00	66.000	35.640.000
	18	Ống SP25	cây	540,00	32.000	17.280.000
	19	Ống SP20	cây	780,00	25.000	19.500.000
	20	Mang sông SP32	cái	420,00	3.500	1.470.000
	21	Mang sông SP25	cái	720,00	2.500	1.800.000
	22	Mang sông SP20	cái	1.020,00	2.000	2.040.000
	23	Kẹp SP32	cái	480,00	3.000	1.440.000
	24	Kẹp SP25	cái	1.140,00	3.000	3.420.000
	25	Kẹp SP20	cái	1.116,00	3.000	3.348.000
	26	Hộp nối 25x25	cái	151,00	60.000	9.060.000
	27	Hộp nối 12x12	cái	276,00	30.000	8.280.000
	28	Chia 4 fi 20	cái	144,00	8.500	1.224.000
	29	Chia 4 fi 25	cái	480,00	9.500	4.560.000
	30	Chia 3 fi 25	cái	480,00	9.500	4.560.000
	31	Chia 3 fi 20	cái	960,00	8.500	8.160.000
	32	Ống uốn fi 25	cái	5,00	250.000	1.250.000
	33	Ống uốn fi 20	cái	5,00	250.000	1.250.000
	34	Dây cáp 4x16	m	408,00	235.000	95.880.000
	36	Dây cáp 4x35	m	154,00	395.000	60.830.000

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	37	Dây cáp 4x4	m	660,00	60.000	39.600.000
	38	Dây 1x4 đỏ	m	3.360,00	16.000	53.760.000
	39	Dây 1x4 xanh	m	3.360,00	16.000	53.760.000
	40	Dây 1x2,5 đỏ	m	2.640,00	11.500	30.360.000
	41	Dây 1x2,5 xanh	m	2.640,00	11.500	30.360.000
	42	Dây 1x1,5	m	3.360,00	9.500	31.920.000
	43	Dây 1x6	m	2.160,00	25.000	54.000.000
	44	Đế âm	cái	360,00	6.500	2.340.000
	45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	288,00	16.000	4.608.000
	46	Công tắc 2 chiều	cái	96,00	30.000	2.880.000
	47	Công tắc đôi 3 chấu	cái	182,00	50.000	9.100.000
	48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	10,00	80.000	800.000
	49	Ổ cắm đơn	cái	173,00	45.000	7.785.000
	50	Ổ cắm đôi	cái	230,00	65.000	14.950.000
	51	Mặt 1	cái	144,00	21.000	3.024.000
	52	Mặt 2	cái	180,00	21.000	3.780.000
	53	Mặt 3	cái	204,00	25.000	5.100.000
	54	Băng cách to	cây	24,00	85.000	2.040.000
	55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1.020,00	35.000	35.700.000
	56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	900,00	9.500	8.550.000
	57	Dây tiếp địa 1x4E	m	780,00	15.000	11.700.000
	58	Cọc tiếp địa	cái	38,00	150.000	5.700.000
	59	Vật tư phụ	gói	1,00	8.000.000	8.000.000
III		PHẦN CẤP NƯỚC		-		
	1	Ống D25	md	480	43.000	20.640.000
	2	Ống D50	md	542	85.000	46.070.000
	3	Ống D40	md	336	65.000	21.840.000
	4	Ống D32	md	636	55.000	34.980.000
	5	Ống lạnh D20	md	504	38.000	19.152.000
	6	Ống nhiệt D25	md	420	60.000	25.200.000
	7	Cút 50	cái	230	32.000	7.360.000
	8	Cút 40	cái	130	22.000	2.860.000
	9	Cút 32	cái	79	12.000	948.000
	10	Cút 25	cái	166	6.500	1.079.000
	11	Cút 20	cái	166	4.000	664.000
	12	Tê 32	cái	101	15.000	1.515.000
	13	Tê 25	cái	115	9.000	1.035.000
	14	Tê 20	cái	173	6.000	1.038.000
	15	Tê thu 40/25	cái	223	32.000	7.136.000
	16	Tê thu 40/32	cái	144	35.000	5.040.000
	17	Tê thu 32/25	cái	72	14.500	1.044.000
	18	Tê thu 25/20	cái	180	8.500	1.530.000
	19	Côn thu 50/40	cái	209	16.000	3.344.000
	20	Côn thu 40/32	cái	130	13.500	1.755.000
	21	Côn thu 32/25	cái	166	11.000	1.826.000
	22	Côn thu 32/20	cái	187	11.000	2.057.000

MÃ HIỆU	STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ THÀNH (VNĐ)	
					ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	23	Côn thu 25/20	cái	50	9.500	475.000
	24	Rắc co D50	cái	79	125.000	9.875.000
	25	Rắc co D32	cái	65	70.000	4.550.000
	26	Rắc co D40	cái	137	80.000	10.960.000
	27	Rắc co D20	cái	94	32.000	3.008.000
	28	Măng sông D40	cái	72	13.000	936.000
	29	Măng sông D32	cái	180	11.500	2.070.000
	30	Măng sông D25	cái	209	9.000	1.881.000
	31	Măng sông D20	cái	130	7.500	975.000
	32	Nút bịt D20	cái	166	6.000	996.000
	33	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
IV		PHẦN THOÁT NƯỚC		0		
	1	Ống D110	md	216	95.000	20.520.000
	2	Ống D90	md	306	65.000	19.890.000
	3	Ống D60	md	540	45.000	24.300.000
	4	Ống D42	md	600	30.000	18.000.000
	5	Tê D110	cái	338	60.000	20.280.000
	6	Tê D90	cái	230	38.000	8.740.000
	7	Tê D60	cái	166	15.000	2.490.000
	8	Tê D42	cái	166	13.000	2.158.000
	9	Cút D110	cái	101	48.000	4.848.000
	10	Cút D90	cái	115	30.000	3.450.000
	11	Cút D60	cái	101	12.000	1.212.000
	12	Cút D42	cái	223	11.000	2.453.000
	13	Côn thu D110/60	cái	288	22.000	6.336.000
	14	Côn thu D90/60	cái	72	14.000	1.008.000
	15	Côn thu D90/42	cái	300	14.000	4.200.000
	16	Côn thu D60/42	cái	290	10.000	2.900.000
	17	Măng xông D110	cái	130	15.000	1.950.000
	18	Măng xông D90	cái	166	15.000	2.490.000
	19	Măng xông D60	cái	166	12.500	2.075.000
	20	Măng xông D42	cái	50	9.500	475.000
	21	Kép 15	cái	79	25.000	1.975.000
	22	Vật tư phụ	gói	1	7.000.000	7.000.000
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ						1.646.963.000

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ và tên)

[Handwritten signature]
 Ngô Văn Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)



[Handwritten signature]
 GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Hiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số :14.10/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-10-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và nghiệm thu khối lượng thành phần

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông NGÔ HOÀI NAM

Địa chỉ: Số nhà 01 Ngách 11/18 Tô Ngọc Vân- P. Quảng An- Q. Tây Hồ- TP. Hà Nội.

Điện thoại : 0962995399.

Địa điểm thi công: Số nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội.

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ,phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Hiến - Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận khối lượng nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	PHẦN THÔ		
I. PHẦN BIỆN PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẦNG HẦM			
1	Thi công đóng cừ chét U200 (mua cừ đóng chét tại móng công trình)	kg	23430

2	Thi công cừ rút (<i>cừ thuê</i>)	md	276
3	Văng chống cừ	gói	1
II. PHÂN BIỆT ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC			
1	Che chắn công trình	m2	125
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	2
3	Xử lý hút bể phốt trước khi đào móng	gói	0
3	Phần đào móng, đào bể ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	585
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	730
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	4
III. PHÂN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ			
1	Thi công phần móng	m2	153
2	Phần xây thô tầng hầm (<i>không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông</i>)	m2	133
	<i>Sàn mái hầm (cos +0.00)</i>		133
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		964
	<i>Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)</i>		155
	<i>Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)</i>		155
	<i>Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)</i>		162
	<i>Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)</i>		162
	<i>Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)</i>		162
	<i>Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)</i>		168
4	Phần xây thô tầng 7,8 (<i>có đổ vách bê tông chéo thay tường xây</i>)	m2	255
	<i>Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)</i>		137

	Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)		118
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang máy		67
	Sàn mái tầng tum (cos +31.460)		60
	Nóc thang máy		7
6	Phần bể nước, bể phốt (bể bê tông cốt thép toàn khối)	m3	22
	Bể nước		15
	Bể phốt		7
IV. PHẦN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH			
1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	395
2	Cán nền	m2	1158
3	Chống thấm mạch ngừng	md	352
4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1967
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	285
B	PHẦN ĐIỆN NƯỚC		
I	NHÂN CÔNG		
1	Nhân công điện nước	m2	1560
II	VẬT TƯ ĐIỆN		
1	Tủ điện tổng	cái	1
2	Tủ điện tầng , tủ 8x10	cái	11
3	Dây mạng	md	5040
4	MCCB 3P-200A	cái	5
5	MCB 3P-50A	cái	5
6	MCB 1P-16A	cái	48

7	MCB 1P-20A	cái	48
8	MCB 1P-25A	cái	48
9	MCB 1P-32A	cái	19
10	MCB 3P-20A	cái	38
11	MCB 3P-32A	cái	19
12	MCB 3P-40A	cái	19
13	MCB 3P- 80A	cái	12
14	MCB 2P-20A	cái	30
15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	32
16	CẦU CHỈ 3X2A	Cái	32
17	Ổng SP32	cây	540
18	Ổng SP25	cây	540
19	Ổng SP20	cây	780
20	Mang sông SP32	cái	420
21	Mang sông SP25	cái	720
22	Mang sông SP20	cái	1020
23	Kẹp SP32	cái	480
24	Kẹp SP25	cái	1140
25	Kẹp SP20	cái	1116
26	Hộp nối 25x25	cái	151
27	Hộp nối 12x12	cái	276
28	Chia 4 fi 20	cái	144
29	Chia 4 fi 25	cái	480
30	Chia 3 fi 25	cái	480
31	Chia 3 fi 20	cái	960

32	Ổng uốn fi 25	cái	5
33	Ổng uốn fi 20	cái	5
34	Dây cáp 4x16	m	408
35	Dây cáp 4x25	m	0
36	Dây cáp 4x35	m	154
37	Dây cáp 4x4	m	660
38	Dây 1x4 đỏ	m	3360
39	Dây 1x4 xanh	m	3360
40	Dây 1x2,5 đỏ	m	2640
41	Dây 1x2,5 xanh	m	2640
42	Dây 1x1,5	m	3360
43	Dây 1x6	m	2160
44	Đế âm	cái	360
45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	288
46	Công tắc 2 chiều	cái	96
47	Công tắc đôi 3 chấu	cái	182
48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	10
49	Ổ cắm đơn	cái	173
50	Ổ cắm đôi	cái	230
51	Mặt 1	cái	144
52	Mặt 2	cái	180
53	Mặt 3	cái	204
54	Băng cách to	cây	24
55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1020
56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	900


57	Dây tiếp địa 1x4E	m	780
58	Cọc tiếp địa	cái	38
59	Vật tư phụ	gói	1
III	PHẦN CẤP NƯỚC		0
1	Ống D25	md	480
2	Ống D50	md	542
3	Ống D40	md	336
4	Ống D32	md	636
5	Ống lạnh D20	md	504
6	Ống nhiệt D25	md	420
7	Cút 50	cái	230
8	Cút 40	cái	130
9	Cút 32	cái	79
10	Cút 25	cái	166
11	Cút 20	cái	166
12	Tê 32	cái	101
13	Tê 25	cái	115
14	Tê 20	cái	173
15	Tê thu 40/25	cái	223
16	Tê thu 40/32	cái	144
17	Tê thu 32/25	cái	72
18	Tê thu 25/20	cái	180
19	Côn thu 50/40	cái	209
20	Côn thu 40/32	cái	130
21	Côn thu 32/25	cái	166

22	Côn thu 32/20	cái	187
23	Côn thu 25/20	cái	50
24	Rắc co D50	cái	79
25	Rắc co D32	cái	65
26	Rắc co D40	cái	137
27	Rắc co D20	cái	94
28	Măng sông D40	cái	72
29	Măng sông D32	cái	180
30	Măng sông D25	cái	209
31	Măng sông D20	cái	130
32	Nút bịt D20	cái	166
33	Vật tư phụ	gói	1
IV	PHẦN THOÁT NƯỚC		0
1	Ống D110	md	216
2	Ống D90	md	306
3	Ống D60	md	540
4	Ống D42	md	600
5	Tê D110	cái	338
6	Tê D90	cái	230
7	Tê D60	cái	166
8	Tê D42	cái	166
9	Cút D110	cái	101
10	Cút D90	cái	115
11	Cút D60	cái	101
12	Cút D42	cái	223

13	Côn thu D110/60	cái	288
14	Côn thu D90/60	cái	72
15	Côn thu D90/42	cái	300
16	Côn thu D60/42	cái	290
17	Măng xông D110	cái	130
18	Măng xông D90	cái	166
19	Măng xông D60	cái	166
20	Măng xông D42	cái	50
21	Kép 15	cái	79
22	Vật tư phụ	gói	1

Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN BÊN A


 Ông Hoàng Văn Lam

ĐẠI DIỆN BÊN B




 GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN BÀN GIAO CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

- Căn cứ Hợp đồng số :14.10/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-10-2022
- Căn cứ các hồ sơ thi công và biên bản nghiệm thu khối lượng công trình

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông **NGÔ HOÀI NAM**

Địa chỉ: Số nhà 01 Ngách 11/18 Tô Ngọc Vân- P. Quảng An- Q. Tây Hồ- TP. Hà Nội.

Điện thoại : 0962995399.

Địa điểm thi công: Số nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội.

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ,phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông **Nguyễn Văn Hiến** - Chức vụ: **Giám đốc**

II. CÔNG TRÌNH (DỰ ÁN)

Tên công trình: Nhà ở gia đình.

Địa điểm: ố nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội

Hạng mục bàn giao: Thi công phần thô và hoàn thiện công trình

Thời gian bàn giao: Ngày 07 tháng 07 năm 2023



III. KẾT LUẬN


- Kể từ ngày.....tháng 07 năm 2023 nhà thầu thi công Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng & Đầu tư Vicohome chính thức bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo Hợp đồng số 14.10/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-10-2022 (Bảo hành theo điều 4: Bảo hiểm và bảo hành) thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhà thầu thi công bàn giao công trình cho chủ đầu tư đưa vào khai thác và sử dụng, thời gian hết hạn bảo hành của nhà thầu sẽ là ngày 07..tháng 07 năm 2024.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình trong thời gian bảo hành công trình.

Biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Ngô Hữu Nam



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN GIÁ TRỊ CÔNG TRÌNH

- Căn cứ Hợp đồng số :14.10/2022/HĐTC/HN-VCH ký ngày 14-10-2022
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình ký ngày 03-7-2023

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2023 , chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Đại diện là: Ông **NGÔ HOÀI NAM**

Địa chỉ: Số nhà 01 Ngách 11/18 Tô Ngọc Vân- P. Quảng An- Q. Tây Hồ- TP. Hà Nội.

Điện thoại : 0962995399.

Địa điểm thi công: Số nhà 197,199 – Đ.Tôn Đức Thắng – Q. Đống Đa- Tp.Hà Nội.

2. NHÀ THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

- Địa chỉ : Số nhà 17 ngõ 46 tổ 20 Định Công Hạ, phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Tài khoản : 19133986551019
- Mở tại ngân hàng : Ngân hàng Techcombank – CN Linh Đàm
- Mã số thuế : 0108633470
- Người đại diện : Ông **Nguyễn Văn Hiến** - Chức vụ: **Giám đốc**

Hai Bên cùng thống nhất ký xác nhận Giá trị nhà thầu thi công công trình như sau :

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	PHẦN THÔ		G		8.461.325.000

I. PHẦN BIỆN PHÁP THI CÔNG GIA CỐ TẦNG HẦM

1	Thi công đóng cừ chét U200 (mua cừ đóng chét tại móng công trình)	kg	23430	26.000	609.180.000
2	Thi công cừ rút (cừ thuê)	md	276	110.000	30.360.000
3	Văng chống cừ	gói	1	75.000.000	75.000.000

II. PHẦN BIỆN ĐÀO MÓNG - ÉP CỌC

1	Che chắn công trình	m2	125	90.000	11.250.000
2	Chống văng bảo vệ 2 nhà liền kề không bị lật khi đào móng	điểm	2	2.500.000	5.000.000
3	Xử lý hút bể phốt trước khi đào móng	gói	0	3.000.000	-
3	Phần đào móng, đào bể ngầm (bể nước, bể phốt) và vận chuyển đất phế thải ra khỏi công trình	m3	585	260.000	152.100.000
4	Cọc bê tông cốt thép (khoan mỗi cọc 3m nếu cần): Cọc 250x250	md	730	265.000	193.450.000
5	Ca máy ép cọc, đập đầu cọc	ca	4	20.000.000	80.000.000

III. PHẦN THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN THÔ

1	Thi công phân móng	m2	153	3.700.000	566.100.000
2	Phần xây thô tầng hầm (không xây tường mà đổ toàn bộ vách bê tông)	m2	133	5.800.000	771.400.000
	Sàn mái hầm (cos +0.00)		133		-
3	Phần xây thô tầng 1,2,3,4,5,6		964	3.750.000	3.615.000.000

	Sàn mái tầng 1 (cos +3.700)		155		-
	Sàn mái tầng 2 (cos +7.170)		155		-
	Sàn mái tầng 3 (cos +10.640)		162		-
	Sàn mái tầng 4 (cos +14.110)		162		-
	Sàn mái tầng 5 (cos +17.580)		162		-
	Sàn mái tầng 6 (cos +21.050)		168		-
4	Phần xây thô tầng 7,8 (có đổ vách bê tông chéo thay tường xây)	m2	255	4.950.000	1.262.250.000
	Sàn mái tầng 7 (cos +24.520)		137		-
	Sàn mái tầng 8 (cos +27.990)		118		-
5	Sàn mái tầng tum, nóc thang máy		67	3.800.000	254.600.000
	Sàn mái tầng tum (cos +31.460)		60		-
	Nóc thang máy		7		-
6	Phần bể nước, bể phốt (bể bê tông cốt thép toàn khối)	m3	22	5.250.000	115.500.000
	Bể nước		15		-
	Bể phốt		7		-

IV. PHẦN CHỐNG THẨM, NHÂN CÔNG ỐP LÁT GẠCH

1	Chống thấm WC, mái, cổ ống	m2	395	280.000	110.600.000
2	Cán nền	m2	1158	105.000	121.590.000
3	Chống thấm mạch ngừng	md	352	150.000	52.800.000

4	Nhân công ốp lát gạch + vật tư phụ (chưa bao gồm vật tư gạch ốp lát)	m2	1967	185.000	363.895.000
5	Nhân công dán ngói trang trí ngoài nhà + vật tư phụ (Chưa bao gồm vật tư ngói)	m2	285	250.000	71.250.000
B	PHẦN ĐIỆN NƯỚC				1.646.963.000
I	NHÂN CÔNG				
1	Nhân công điện nước	m2	1560	230000	358.800.000
II	VẬT TƯ ĐIỆN		0		-
1	Tủ điện tổng	cái	1	5200000	5.200.000
2	Tủ điện tầng , tủ 8x10	cái	11	1550000	17.050.000
3	Dây mạng	md	5040	9500	47.880.000
4	MCCB 3P-200A	cái	5	1350000	6.750.000
5	MCB 3P-50A	cái	5	680000	3.400.000
6	MCB 1P-16A	cái	48	135000	6.480.000
7	MCB 1P-20A	cái	48	135000	6.480.000
8	MCB 1P-25A	cái	48	135000	6.480.000
9	MCB 1P-32A	cái	19	135000	2.565.000
10	MCB 3P-20A	cái	38	495000	18.810.000
11	MCB 3P-32A	cái	19	495000	9.405.000
12	MCB 3P-40A	cái	19	495000	9.405.000
13	MCB 3P- 80A	cái	12	680000	8.160.000
14	MCB 2P-20A	cái	30	350000	10.500.000

15	ĐỒNG HỒ BÁO PHA A-B-C	Cái	32	250000	8.000.000
16	CẦU CHÌ 3X2A	Cái	32	350000	11.200.000
17	Ống SP32	cây	540	66000	35.640.000
18	Ống SP25	cây	540	32000	17.280.000
19	Ống SP20	cây	780	25000	19.500.000
20	Mang sông SP32	cái	420	3500	1.470.000
21	Mang sông SP25	cái	720	2500	1.800.000
22	Mang sông SP20	cái	1020	2000	2.040.000
23	Kẹp SP32	cái	480	3000	1.440.000
24	Kẹp SP25	cái	1140	3000	3.420.000
25	Kẹp SP20	cái	1116	3000	3.348.000
26	Hộp nối 25x25	cái	151	60000	9.060.000
27	Hộp nối 12x12	cái	276	30000	8.280.000
28	Chia 4 fi 20	cái	144	8500	1.224.000
29	Chia 4 fi 25	cái	480	9500	4.560.000
30	Chia 3 fi 25	cái	480	9500	4.560.000
31	Chia 3 fi 20	cái	960	8500	8.160.000
32	Ống uốn fi 25	cái	5	250000	1.250.000
33	Ống uốn fi 20	cái	5	250000	1.250.000
34	Dây cáp 4x16	m	408	235000	95.880.000
35	Dây cáp 4x25	m	0	280000	-
36	Dây cáp 4x35	m	154	395000	60.830.000

37	Dây cáp 4x4	m	660	60000	39.600.000
38	Dây 1x4 đỏ	m	3360	16000	53.760.000
39	Dây 1x4 xanh	m	3360	16000	53.760.000
40	Dây 1x2,5 đỏ	m	2640	11500	30.360.000
41	Dây 1x2,5 xanh	m	2640	11500	30.360.000
42	Dây 1x1,5	m	3360	9500	31.920.000
43	Dây 1x6	m	2160	25000	54.000.000
44	Đế âm	cái	360	6500	2.340.000
45	Công tắc đơn 1 chiều	cái	288	16000	4.608.000
46	Công tắc 2 chiều	cái	96	30000	2.880.000
47	Công tắc đôi 3 chấu	cái	182	50000	9.100.000
48	Công tắc 20A có đèn báo	cái	10	80000	800.000
49	Ổ cắm đơn	cái	173	45000	7.785.000
50	Ổ cắm đôi	cái	230	65000	14.950.000
51	Mặt 1	cái	144	21000	3.024.000
52	Mặt 2	cái	180	21000	3.780.000
53	Mặt 3	cái	204	25000	5.100.000
54	Băng cách to	cây	24	85000	2.040.000
55	Dây tiếp địa 1x10E	m	1020	35000	35.700.000
56	Dây tiếp địa 1x2,5E	m	900	9500	8.550.000
57	Dây tiếp địa 1x4E	m	780	15000	11.700.000
58	Cọc tiếp địa	cái	38	150000	5.700.000


59	Vật tư phụ	gói	1	8000000	8.000.000
III	PHẦN CẤP NƯỚC		0		-
1	Ống D25	md	480	43000	20.640.000
2	Ống D50	md	542	85000	46.070.000
3	Ống D40	md	336	65000	21.840.000
4	Ống D32	md	636	55000	34.980.000
5	Ống lạnh D20	md	504	38000	19.152.000
6	Ống nhiệt D25	md	420	60000	25.200.000
7	Cút 50	cái	230	32000	7.360.000
8	Cút 40	cái	130	22000	2.860.000
9	Cút 32	cái	79	12000	948.000
10	Cút 25	cái	166	6500	1.079.000
11	Cút 20	cái	166	4000	664.000
12	Tê 32	cái	101	15000	1.515.000
13	Tê 25	cái	115	9000	1.035.000
14	Tê 20	cái	173	6000	1.038.000
15	Tê thu 40/25	cái	223	32000	7.136.000
16	Tê thu 40/32	cái	144	35000	5.040.000
17	Tê thu 32/25	cái	72	14500	1.044.000
18	Tê thu 25/20	cái	180	8500	1.530.000
19	Côn thu 50/40	cái	209	16000	3.344.000
20	Côn thu 40/32	cái	130	13500	1.755.000

21	Côn thu 32/25	cái	166	11000	1.826.000
22	Côn thu 32/20	cái	187	11000	2.057.000
23	Côn thu 25/20	cái	50	9500	475.000
24	Rắc co D50	cái	79	125000	9.875.000
25	Rắc co D32	cái	65	70000	4.550.000
26	Rắc co D40	cái	137	80000	10.960.000
27	Rắc co D20	cái	94	32000	3.008.000
28	Măng sông D40	cái	72	13000	936.000
29	Măng sông D32	cái	180	11500	2.070.000
30	Măng sông D25	cái	209	9000	1.881.000
31	Măng sông D20	cái	130	7500	975.000
32	Nút bịt D20	cái	166	6000	996.000
33	Vật tư phụ	gói	1	7000000	7.000.000
IV	PHẦN THOÁT NƯỚC		0		-
1	Ống D110	md	216	95000	20.520.000
2	Ống D90	md	306	65000	19.890.000
3	Ống D60	md	540	45000	24.300.000
4	Ống D42	md	600	30000	18.000.000
5	Tê D110	cái	338	60000	20.280.000
6	Tê D90	cái	230	38000	8.740.000
7	Tê D60	cái	166	15000	2.490.000
8	Tê D42	cái	166	13000	2.158.000

9	Cút D110	cái	101	48000	4.848.000
10	Cút D90	cái	115	30000	3.450.000
11	Cút D60	cái	101	12000	1.212.000
12	Cút D42	cái	223	11000	2.453.000
13	Côn thu D110/60	cái	288	22000	6.336.000
14	Côn thu D90/60	cái	72	14000	1.008.000
15	Côn thu D90/42	cái	300	14000	4.200.000
16	Côn thu D60/42	cái	290	10000	2.900.000
17	Măng xông D110	cái	130	15000	1.950.000
18	Măng xông D90	cái	166	15000	2.490.000
19	Măng xông D60	cái	166	12500	2.075.000
20	Măng xông D42	cái	50	9500	475.000
21	Kép 15	cái	79	25000	1.975.000
22	Vật tư phụ	gói	1	7000000	7.000.000
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ (A+B)					10.108.288.000

Biên bản Quyết toán giá trị công trình này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản, một bản lưu tại Công ty, một bản gửi đến chủ đầu tư:

ĐẠI DIỆN BÊN A


 Nguyễn Văn Kiên



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Hiến



DỰ ÁN TIÊU BIỂU



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Sóc Sơn – Hà Nội

Chủ đầu tư: chị Hằng

Diện tích xây dựng: 400m²

Tổng mức đầu tư: 5 tỷ



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Thành phố Nam Định

Chủ đầu tư: chị Loan

Diện tích xây dựng: 700m²

Tổng mức đầu tư: 6.5 tỷ



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Kim Động – Hưng Yên

Chủ đầu tư: chú Mạnh

Diện tích xây dựng: 300m²

Tổng mức đầu tư: 3.5 tỷ



BIỆT THỰ HIỆN ĐẠI

Địa chỉ: Kiều Kỵ - Gia Lâm – Hà Nội

Chủ đầu tư: anh Tuấn Anh

Diện tích xây dựng: 700m²

Tổng mức đầu tư: 6 tỷ



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Kim Động – Hưng Yên

Chủ đầu tư: anh Thiện

Diện tích xây dựng: 840m²

Tổng mức đầu tư: 6,6 tỷ



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Thành phố Tuyên Quang

Chủ đầu tư: anh Vũ

Diện tích xây dựng: 520m²

Tổng mức đầu tư: 4 tỷ



BIỆT THỰ TÂN CỔ

Địa chỉ: Dương Khuê – Cầu Giấy – Hà Nội

Chủ đầu tư: anh Duy

Diện tích xây dựng: 1500m²

Tổng mức đầu tư: 13 tỷ



BIỆT THỰ HIỆN ĐẠI

Địa chỉ: Mê Linh – Hà Nội

Chủ đầu tư: anh Hưng

Diện tích xây dựng: 400m²

Tổng mức đầu tư: 4 tỷ



BIỆT THỰ HIỆN ĐẠI

Địa chỉ: Nay

Chủ đầu tư: anh Minh

Diện tích xây dựng: 150m²

Tổng mức đầu tư: 2 tỷ



BIỆT THỰ PHONG CÁCH CHÂU ÂU

Địa chỉ: Long Biên – Hà Nội

Chủ đầu tư: anh Thiều

Diện tích xây dựng: 200m²

Tổng mức đầu tư: 2.5 tỷ



BIỆT THỰ PHONG CÁCH CHÂU ÂU

Địa chỉ: Lê Chân – Hải Phòng

Chủ đầu tư: anh Thế Anh

Diện tích xây dựng: 400m²

Tổng mức đầu tư: 4,8 tỷ



BIỆT THỰ MÁI NHẬT

Địa chỉ: thành phố Bắc Ninh

Chủ đầu tư: anh Đạt

Diện tích xây dựng: 150m²

Tổng mức đầu tư: 1.3 tỷ



NHÀ PHỐ HIỆN ĐẠI

Địa chỉ: Kim Mã – Hà Nội

Chủ đầu tư: chú Thái

Diện tích xây dựng: 420m²

Tổng mức đầu tư: 3 tỷ



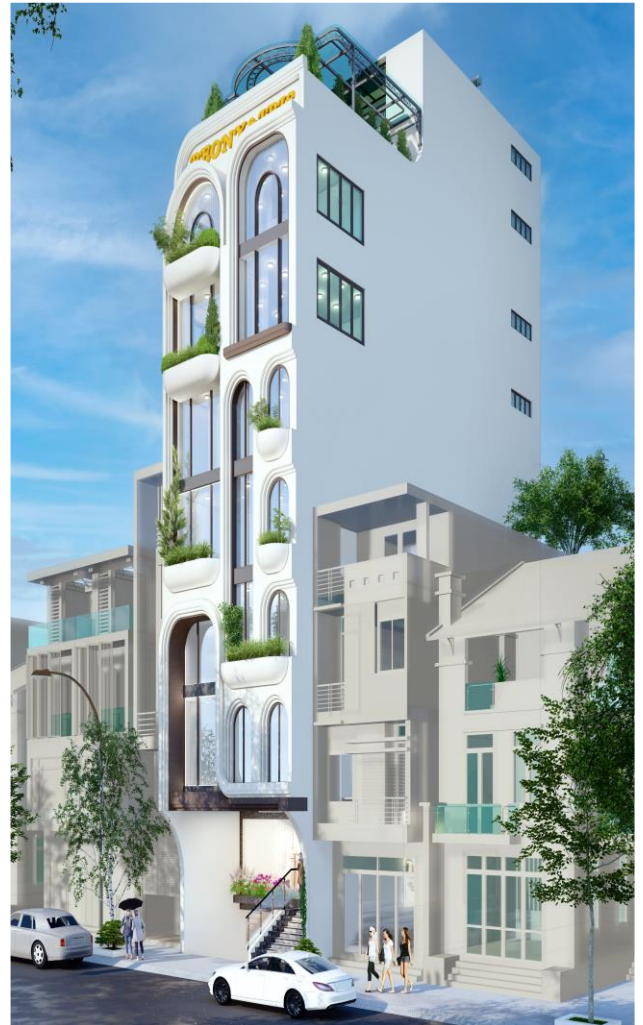
NHÀ PHỐ HIỆN ĐẠI

Địa chỉ: Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Chủ đầu tư: chú Khang

Diện tích xây dựng: 288m²

Tổng mức đầu tư: 2.7 tỷ



NHÀ PHỐ KINH DOANH

Địa chỉ: Hạ Long – Quảng Ninh

Chủ đầu tư: anh Hồng

Diện tích xây dựng: 1125 m²

Tổng mức đầu tư: 9 tỷ



TÒA NHÀ VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Lê Khê – Hà Đông

Chủ đầu tư: anh Hùng

Diện tích xây dựng: 1040m²

Tổng mức đầu tư: 7,8 tỷ



NHÀ HÀNG TRUNG HOA

Địa chỉ: Phú Thọ

Chủ đầu tư: chị Hà

Diện tích xây dựng: 1300m²

Tổng mức đầu tư: 12,5 tỷ



HOMESTAY NGHỈ DƯỠNG

Địa chỉ: Hòa Bình

Chủ đầu tư: anh Thịnh

Diện tích xây dựng: 600m²

Tổng mức đầu tư: 3,5 tỷ



CỬA HÀNG THỜI TRANG

Địa chỉ: Ngô Quyền – Hà Nội

Chủ đầu tư: anh Duy

Diện tích xây dựng: 1500m²

Tổng mức đầu tư: 15 tỷ







































Caygieng.Org









Lời Cảm Ơn

Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng và đầu tư VICOHOME xin trân trọng gửi tới Quý khách hàng và đối tác lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất. Thời gian qua, nhờ có sự hỗ trợ, hợp tác hiệu quả không ngừng của Quý Ban Ngành, Quý Đối Tác, Quý Khách Hàng, chúng tôi đã và đang thực hiện được rất nhiều dự án lớn nhỏ trải dài khắp 3 miền Tổ quốc

Chúng tôi luôn đặt quyền lợi của khách hàng lên trên hết và luôn mong muốn mang lại những sản phẩm/ dịch vụ cũng như giá trị tốt nhất đến khách hàng. Với bề dày kinh nghiệm của đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư, công nhân lành nghề bậc cao và trang thiết bị máy móc hiện đại, Vicohome luôn đáp ứng tất cả những yêu cầu đề ra của Quý khách hàng.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn tất cả Quý khách hàng và đối tác! Vicohome mong nhận được nhiều hơn nữa sự quan tâm, ủng hộ và đồng hành của Quý khách hàng vì lợi ích và sự phát triển chung của cả hai bên.

Kính chúc Quý khách hàng, đối tác

Sức Khỏe – Hạnh Phúc – Thành Đạt

Thank you!



CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ VICOHOME

Trụ sở chính: TT5.2B-18, khu đô thị mới Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 096 119 95 95

Email: vicohome.arc@gmail.com

Website: <https://xaydungnhauytin.com/>